



CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



CHÍNH TRỰC - TÔN TRỌNG - HỢP TÁC



MỤC LỤC

- TỔNG QUAN CÔNG TY
- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
- BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- QUẢN TRỊ CÔNG TY
- BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01 TỔNG QUAN CÔNG TY



CHÍNH TRỰC - TÔN TRỌNG - HỢP TÁC

- THÔNG TIN CHUNG
- NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC
- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- RỦI RO



NETCO

THÔNG TIN CHUNG

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bột giặt NET
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3600642822 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 01/07/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 13 số 4703000053 ngày 26/05/2017
- Vốn điều lệ: 223.983.740.000 VNĐ
- Vốn đầu tư chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018: 289.408.429.429 VNĐ
- Địa chỉ: Đường D4, KCN Lộc An - Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Điện thoại: 0251. 3682102 - 0251. 3682103
- Fax: 0251. 3682106
- Website: www.netcovn.com.vn
- Mã chứng khoán: NET



SẢN PHẨM

Bột giặt



Nước rửa chén



Nước lau sàn nhà



Nước rửa chén



Nước xả vải





Nước giặt



Nước tẩy nhà tắm



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Lịch sử hình thành công ty và quá trình phát triển

Công ty khánh thành chi nhánh NET tại km 01 đường Phan Trọng Tuệ, huyện Thanh Trì, thủ đô Hà Nội với một tháp Bột giặt có công suất 10.000 tấn bột giặt/năm. Tại thời điểm 2016, công suất đã được nâng lên 70.000 tấn/năm.

Nhà máy chuyển thành Công ty Bột giặt NET trực thuộc Tổng công ty hóa chất công nghiệp và hóa chất tiêu dùng – Bộ Công nghiệp nặng và tiến hành đăng ký lại theo quyết định của Bộ công nghiệp nặng. Nhận lại Nhà máy Mũ phẩm Bình Đông và chuyển chi nhánh NET từ số 39 Phó Cơ Điều, phường 12, quận 5, TP.Hồ chí Minh về số 617 – 629 Bến Bình Đông, phường 13, quận 8, TP.Hồ Chí Minh.

1998

1992

Công ty cổ phần Bột giặt NET có tiền thân là Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty, được xây dựng từ năm 1968 cho đến năm 1972 mới hoàn thành đưa vào sản xuất. Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty có văn phòng chính tại số nhà 38 đường Nguyễn Trãi, phường 3, Quận 5, Tp.Hồ Chí Minh và có cơ xưởng tại đường số 8, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai.

Vốn hình thành nhà máy do một nhóm cổ đông góp vốn tạo dựng lên công suất thiết kế ban đầu là 5.800 tấn sản phẩm/năm. Ngày đầu thành lập, Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty đã cử một số thành viên trong công ty sang Pháp học cách làm xà bông bột. Sau khi trở về nước, những thành viên này lấy tên thương hiệu là NET. NET chính là tên viết tắt của chữ “NETOY-ER” nghĩa là giặt rửa, logo của công ty có hình là núi tuyết vì nhà máy được xây dựng trên khu đồi núi được san lấp nhưng chưa bằng phẳng, núi này được bao phủ bằng lớp tuyết trắng phản ánh sự trắng sạch của Bột giặt.

1975

Khi Miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất, Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty được chính phủ Việt Nam quốc hữu hóa và trưng mua, chuyển tên gọi từ Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty thành Nhà máy quốc doanh Bột giặt Đồng Nai hạch toán dưới dạng báo sổ trực thuộc công ty Bột giặt Miền Nam.

1990

Nhà máy chuyển từ hình thức hạch toán phụ thuộc sang hình thức hạch toán độc lập. Đây cũng là năm mà nhà máy thay đổi toàn bộ nhân sự mới.

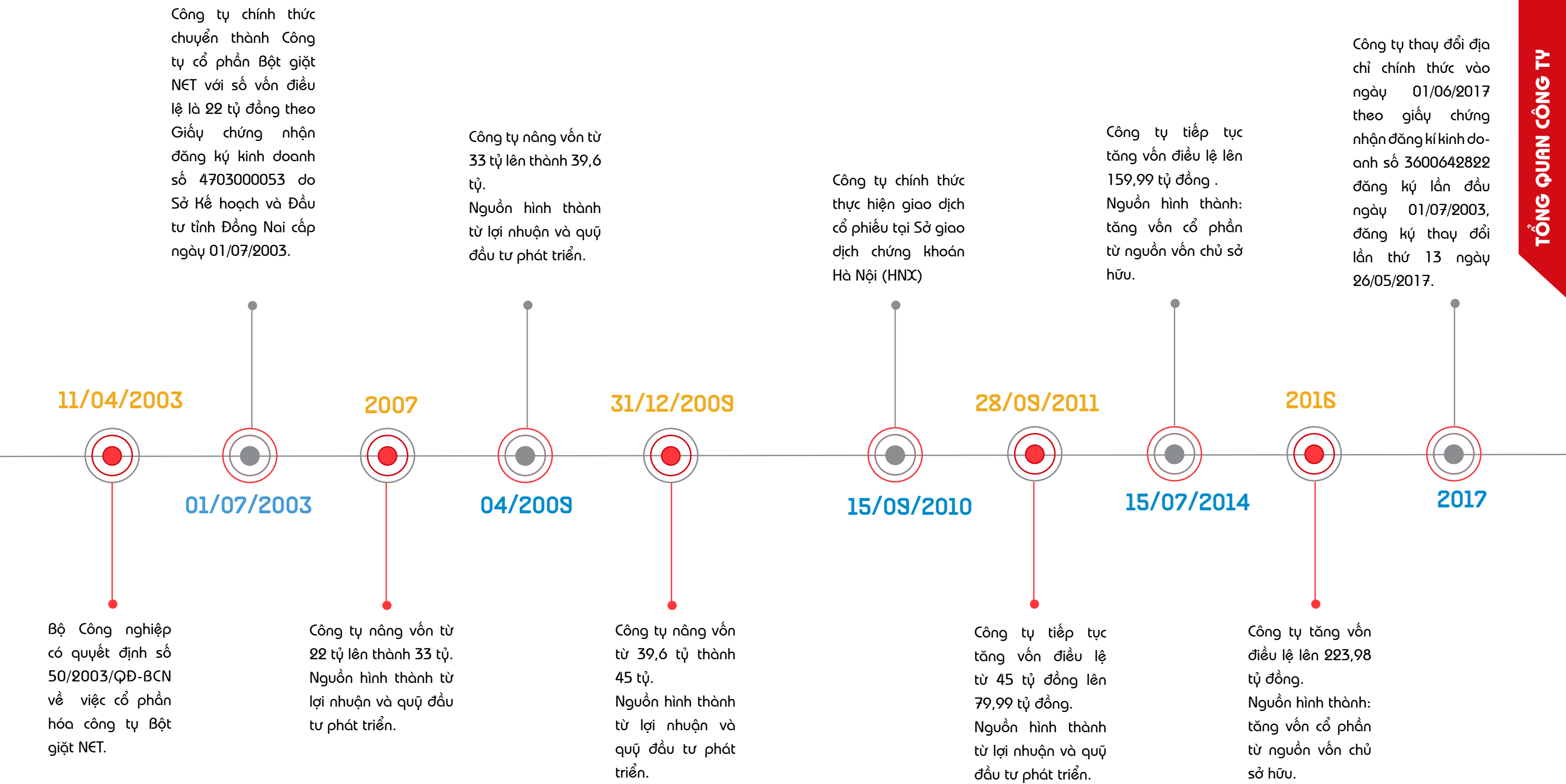
Kể từ ngày thành lập cho đến năm 1975, Công ty được quản lý dưới dạng tư sản tư nhân, sản lượng làm ra không quá 1.000 tấn sản phẩm/năm. Đến thời điểm 2009, công suất nhà máy tại KCN Biên Hòa đã được nâng lên 140.000 tấn/năm.

Vào tháng 7/2017, NETCO khánh thành nhà máy mới tại Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn với qui mô hiện đại, tối đa hóa tự động. Đây là dấu mốc lịch sử quan trọng của NETCO, đánh dấu thời kỳ tự động hóa gắn liền với năng suất - chất lượng, hướng tới mục tiêu trở thành ngôi sao sáng của ngành sản xuất chất tẩy rửa tại Đông Nam Á và khu vực châu Á Thái Bình Dương.

Tính đến 2018, Tổng công suất thiết kế hai nhà máy, một tại trụ sở chính ở Long Thành - Đồng Nai và một tại Hà Nội là 180.000 tấn bột giặt và 100.000 tấn tẩy rửa lỏng/năm.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Quá trình cổ phần hóa



THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

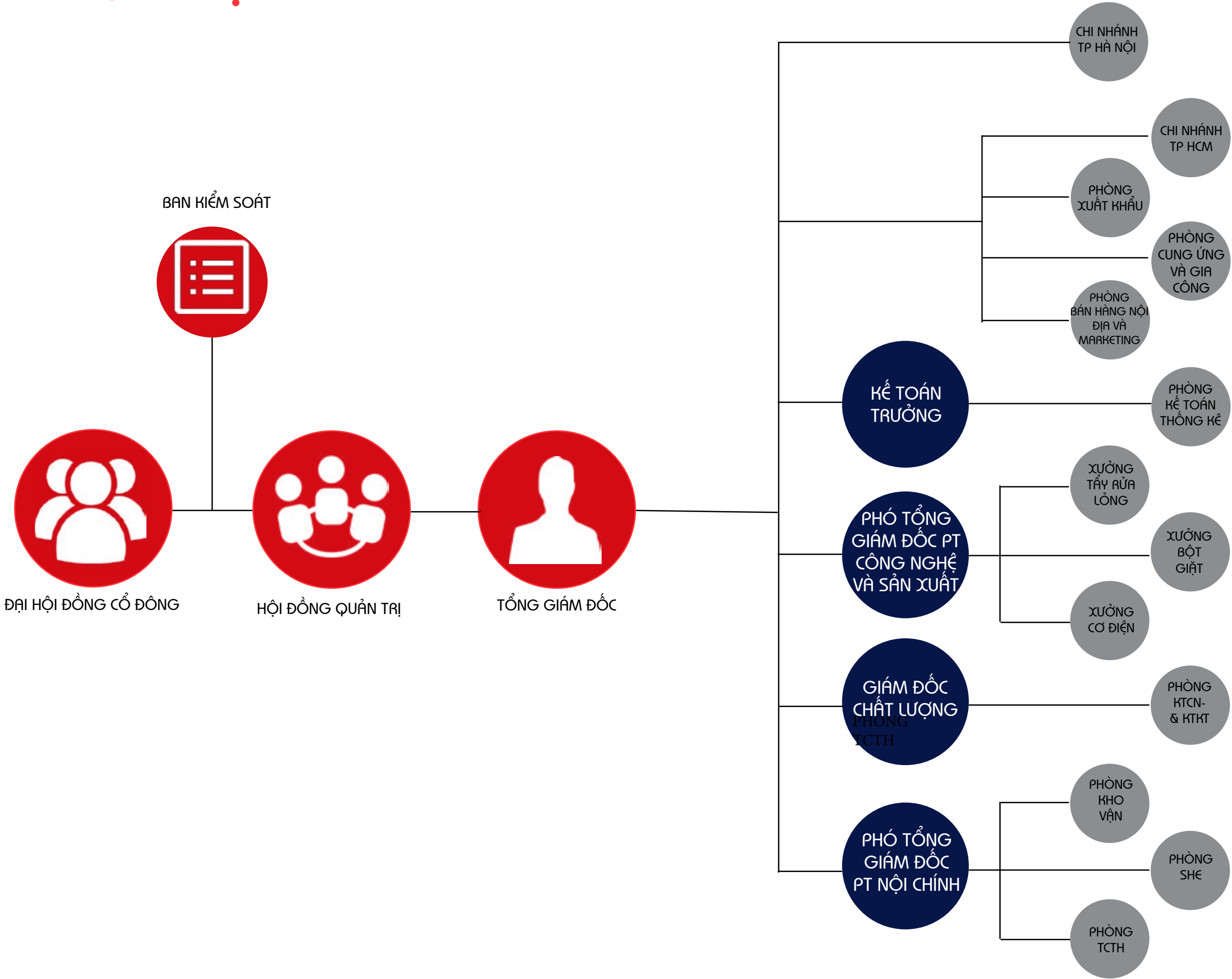
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.
- Mua bán các loại vật tư hóa chất ngành tẩy rửa (trừ hóa chất độc hại mạnh).
- Cho thuê kho, nhà xưởng, văn phòng. Kinh doanh bất động sản.
- Kinh doanh khách sạn nhà nghỉ (hoạt động ngoài tỉnh) .
- Sản xuất nước uống đóng chai (không sản xuất tại trụ sở).
- Vận tải hàng hóa đường bộ.

Tại thị trường nội địa, NETCO chọn cho mình con đường riêng để đến với người tiêu dùng bằng tấm lòng của một nhà sản xuất chân chính, luôn giữ chữ “TÍN” với khách hàng qua “CHẤT LƯỢNG & GIÁ CẢ”. Vì vậy, so với sản phẩm của các công ty khác, các sản phẩm của NETCO luôn dành được sự chấp nhận và tin tưởng của đông đảo người tiêu dùng.

Địa bàn kinh doanh



NET còn cung ứng một lượng lớn Bột giặt, Nước rửa chén cho thị trường xuất khẩu như : Nhật Bản, Úc, New Zealand, các nước ASEAN, Châu Mỹ, Châu Phi ... Việc thâm nhập thành công thị trường Nhật Bản - một thị trường được đánh giá là khó tính với yêu cầu về chất lượng cực kỳ nghiêm ngặt, doanh nghiệp đã minh chứng trình độ kỹ thuật công nghệ của mình đạt yêu cầu khu vực và thế giới.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

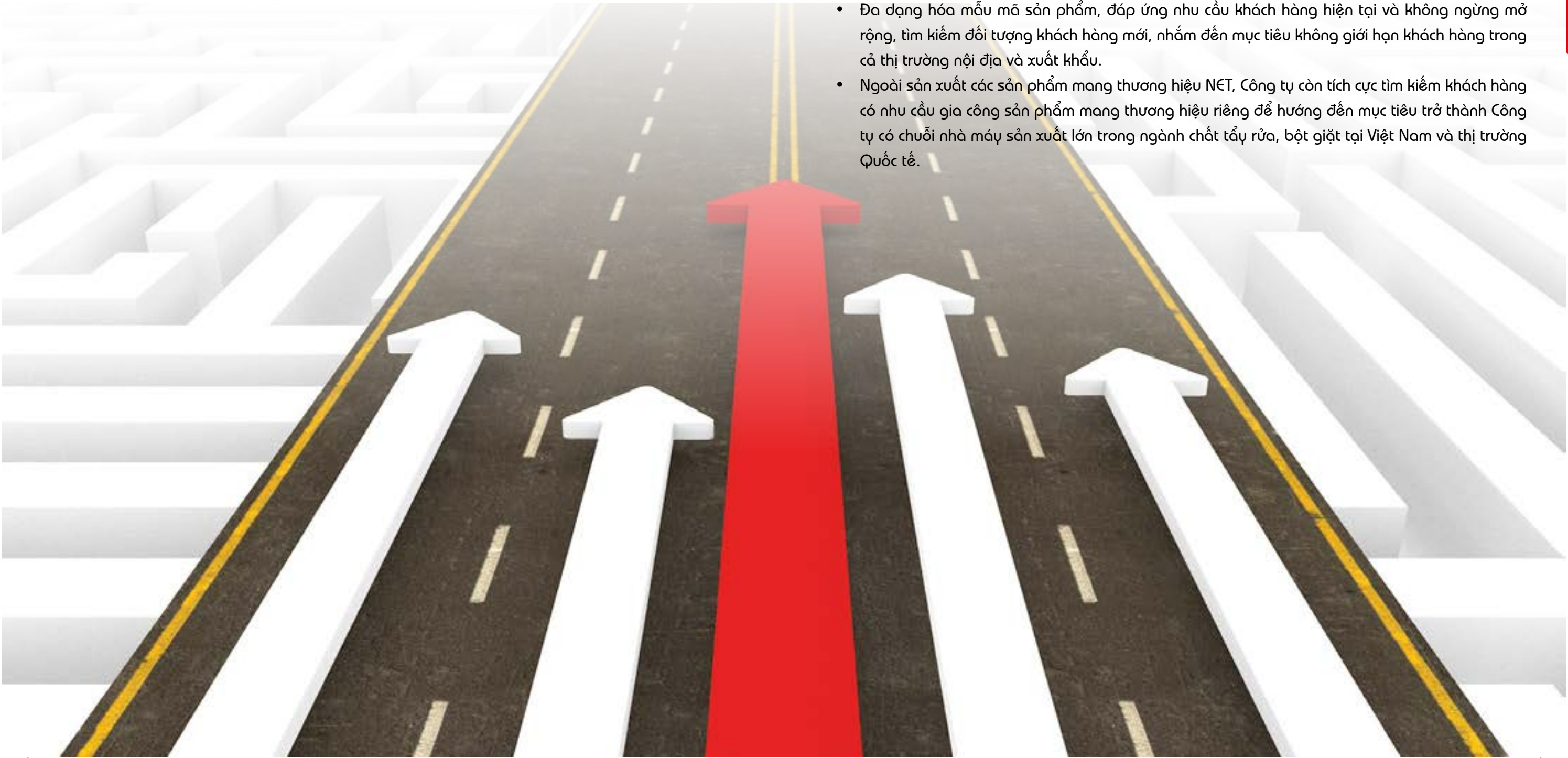
Các mục tiêu chủ yếu

STT	Chỉ tiêu 2019	ĐVT	Giá trị
1	Doanh thu	Tỷ đồng	1,103
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	50

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 - 2021 đã bước vào năm hoạt động thứ 3, theo đó các chính sách và định hướng phát triển của Ban lãnh đạo đã đúng hướng và từng bước mang lại hiệu quả. Hội đồng quản trị cùng Ban điều hành thống nhất đưa ra những định hướng cho Công ty như sau:

- Phân tích tình hình thị trường, đưa ra và thực hiện các kế hoạch, chính sách phù hợp với mô hình hoạt động của NET để hạn chế những rủi ro ảnh hưởng đến sự phát triển của Công ty
- Đẩy mạnh sự phát triển của đội nghiên cứu sản phẩm và thị trường của Công ty, đưa ra các sản phẩm đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng.
- Xây dựng hình ảnh Công ty sản xuất chất lượng, giá cả sản phẩm hợp lý trên thị trường trong nước và quốc tế.
- Đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm, đáp ứng nhu cầu khách hàng hiện tại và không ngừng mở rộng, tìm kiếm đối tượng khách hàng mới, nhắm đến mục tiêu không giới hạn khách hàng trong cả thị trường nội địa và xuất khẩu.
- Ngoài sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu NET, Công ty còn tích cực tìm kiếm khách hàng có nhu cầu gia công sản phẩm mang thương hiệu riêng để hướng đến mục tiêu trở thành Công ty có chuỗi nhà máy sản xuất lớn trong ngành chất tẩy rửa, bột giặt tại Việt Nam và thị trường Quốc tế.



CÁC RỦI RO

Rủi ro cạnh tranh



Tại thị trường nội địa, các công ty đa quốc gia chiếm tỷ trọng lớn về sản phẩm chất tẩy rửa, đặc biệt là hai công ty Unilever và P&G. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp trong nước cũng đang trỗi dậy và phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây. Hai yếu tố này đã làm cho thị trường hàng tiêu dùng cạnh tranh gay gắt hơn.

Theo đó, để tăng năng lực cạnh tranh, NETCO luôn tìm kiếm các nguồn nguyên liệu chất lượng với chi phí thấp từ đó mang đến cho khách hàng những sản phẩm tốt nhất với giá bán hợp lý. Nhằm tiếp cận gần hơn với khách hàng Công ty đã đẩy mạnh marketing như thiết kế bao bì, hương thơm, quảng cáo, v.v... và mở rộng kênh phân phối từ cửa hàng tạp hóa nhỏ lẻ đến siêu thị lớn. Các biện pháp trên đã mang lại hiệu quả bán hàng cho Công ty trong năm qua.

Rủi ro nguyên liệu đầu vào

Thành phần chính của bột giặt là LASNa (chiếm khoảng 36% - 60% giá trị trên cơ cấu giá của Bột giặt), có tên hóa học là Natri linear alkyl benzen sulphate, được chiết xuất từ các sản phẩm của dầu mỏ (parafin). Do đó, sự thay đổi giá dầu sẽ ảnh hưởng đến giá cả của sản phẩm. Trong năm 2018, giá dầu biến động bất thường, đạt đỉnh hơn 80 USD/thùng do OPEC thực hiện chính sách giảm sản lượng dầu thô, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất của Công ty.

Để hạn chế biến động trên gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban lãnh đạo đã ký các hợp đồng kỳ hạn có thời gian nhất định và tìm kiếm nguồn nguyên liệu có giá cả thấp nhưng chất lượng được đảm bảo.



Rủi ro môi trường

Do đặc thù ngành nghề của NETCO là ngành hóa chất, cụ thể là sản xuất kinh doanh chất tẩy rửa, nên hoạt động sản xuất của Công ty có tác động nhất định đến môi trường. Bên cạnh đó, người lao động Công ty cũng thường xuyên tiếp xúc với hóa chất, làm ảnh hưởng đến sức khỏe.

Công ty luôn ý thức rằng bảo vệ môi trường và sức khỏe người lao động chính là nền tảng phát triển vững chắc trong tương lai nên Công ty luôn nghiêm chỉnh chấp hành các quy định bảo vệ môi trường do Chính phủ đề ra. Để bảo đảm an toàn và bảo vệ sức khỏe cho người lao động, công ty đã mua bảo hiểm cho cán bộ công nhân lao động, mở các lớp huấn luyện phòng cháy chữa, nâng cao nhận thức tự bảo vệ bản thân.

CÁC RỦI RO

Rủi ro ngành

Rủi ro lãi suất:

Trong năm 2018, FED có 04 lần nâng lãi suất lên mức khá cao khoảng 2,25 - 2,5%. Điều này đã làm cho tỷ giá USD/VND tăng 2,6% trên thị trường tự do, ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp hoạt động cả thị trường trong và ngoài nước, trong đó có Công ty Cổ phần Bột giặt NET. Do đặc thù hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu (LASNa, một số chất tẩy rửa khác) và xuất khẩu hàng hóa sang thị trường nước ngoài như Nhật Bản, Úc, New Zealand, các nước ASEAN, Châu Mỹ, Châu Phi ... nên những biến động về tỷ giá ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Theo đó, Công ty luôn chủ động theo dõi diễn biến thị trường để kịp thời điều chỉnh chính sách và kế hoạch kinh doanh nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những rủi ro có thể xảy ra.



Rủi ro uy tín:

Các sản phẩm trong ngành hàng tiêu dùng bị ảnh hưởng bởi niềm tin và uy tín của khách hàng đối với nhà sản xuất kinh doanh, đó là yếu tố quyết định đối với việc lựa chọn sản phẩm cho bản thân và gia đình. Nếu sản phẩm mang thương hiệu của NET có chất lượng không đạt chuẩn sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hình ảnh Công ty và gây tổn thất lớn đến doanh thu, lợi nhuận. Chính vì vậy, Công ty đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng hình ảnh của mình thông qua việc sản xuất những sản phẩm đạt chất lượng đúng như đã công bố và luôn cải tiến để hướng tới mục tiêu vì cộng đồng và xã hội.



Rủi ro thay đổi hành vi tiêu dùng:

Năm 2018, thu nhập bình quân đầu người của nước ta tăng 198 USD/người so với năm trước, thu nhập tăng dẫn đến thị hiếu tiêu dùng tăng. Theo đó, người tiêu dùng không chỉ quan tâm đến chất lượng, mà còn quan tâm đến mẫu mã, xuất xứ,... của sản phẩm. Nếu không ngừng đổi mới và cải tiến, thương hiệu sản phẩm Công ty sẽ dễ bị người tiêu dùng lãng quên.

Hiểu được nhu cầu trên, Công ty thúc đẩy đội nghiên cứu tìm hiểu nhu cầu, phân tích thị hiếu người tiêu dùng và đưa ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu khách hàng. Ngoài ra, các chương trình khuyến khích, tri ân khách hàng cũng được triển khai thường xuyên vào các dịp Lễ nhằm thu hút và giữ chân người tiêu dùng..



Rủi ro pháp luật

Hiện nay, Công ty đang hoạt động dưới loại hình Công ty Cổ phần và niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên Công ty chịu sự quản lý từ các quy định pháp lý như: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định riêng tại Sở, các quy định có liên quan khác. Bên cạnh đó, hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh chất tẩy rửa với một số nguyên liệu đầu vào là hóa chất nên công ty phải tuân thủ Luật liên quan đến bảo vệ môi trường, Luật hóa chất số 06/2007/QH12, Nghị định số 113/2017/NĐ – CP hướng dẫn Luật hóa chất, v.v... Ngoài ra, doanh thu đến từ xuất khẩu của Công ty chiếm hơn 30% trong doanh thu bán hàng nên NETCO phải hiểu rõ, nắm bắt và tuân thủ các thông lệ Quốc tế. Tuy nhiên, các văn bản pháp lý thường điều chỉnh, thay đổi và bổ sung theo tình hình biến động của thị trường nhằm mang lại sự ổn định, công bằng với mỗi bên tham gia. Mỗi một sự thay đổi của các quy định trên đều tác động đến kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Hiểu được điều này, NETCO chủ động cập nhật và theo dõi các chính sách, chủ trương mới của nhà nước, luật pháp và thông lệ quốc tế để đưa ra mục tiêu, kế hoạch phù hợp với quy mô sản xuất của Công ty.



02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ SỰ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
- BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

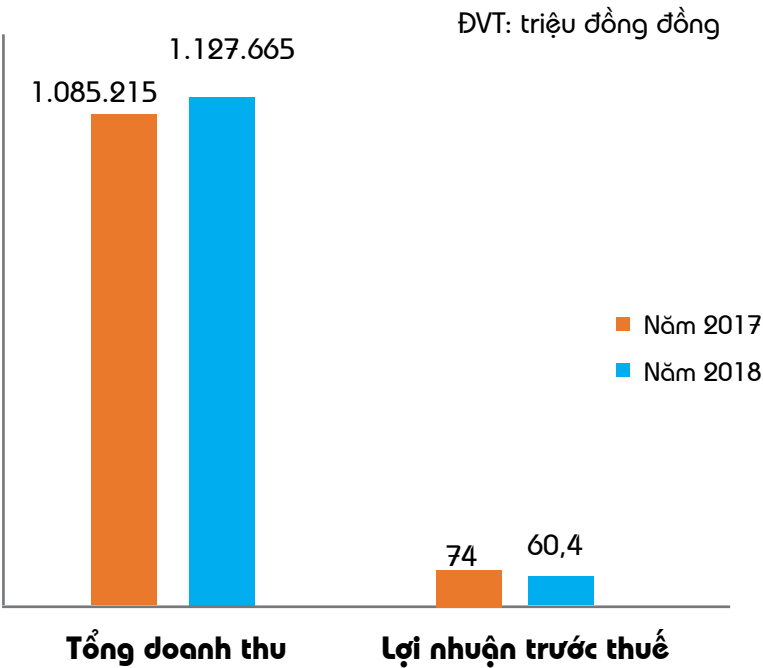
Năm 2018, tình hình kinh tế thế giới diễn biến phức tạp khi các chính sách bảo hộ thương mại được triển khai ở nhiều quốc gia, điển hình là Mỹ và Trung Quốc. Theo đó, Ngân hàng thế giới (Worldbank) ước tính tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2018 chỉ đạt 3,1% và từ thực tế diễn biến toàn cầu, tổ chức cũng đã đưa ra dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2019 sẽ đạt 3% và 2,8% vào năm 2020.

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế thế giới, kinh tế của Việt Nam năm qua lại đạt tăng trưởng vượt mức dự kiến. Cụ thể, tốc độ tăng trưởng GDP tăng 7,08% cao hơn kế hoạch đề ra là 6,8%, trong đó lĩnh vực bán buôn và bán lẻ tăng mạnh 8,51%. Đây là ngành có đóng góp cao nhất trong tổng giá trị tăng của toàn nền kinh tế, mang lại những triển vọng tích cực cho các doanh nghiệp hoạt động trong ngành cũng như Công ty Cổ phần Bột Giặt NET. Cụ thể kết quả kinh doanh của Công ty năm 2018 như sau: tổng doanh thu của NETCO đạt 1.128 tỷ đồng, vượt 19,58% kế hoạch, tăng 3,91% so với năm 2017. Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 60 tỷ đồng, đạt 100,61% kế hoạch, giảm 18,42% so với năm 2017. Nguyên nhân là do chi phí khấu hao tăng từ Dự án Lọc An - Bình Sơn đi vào hoạt động cùng với biến động tăng của giá nguyên liệu đầu vào và ảnh hưởng của tỷ giá USD/VND dẫn đến giá vốn tăng, kéo theo lợi nhuận giảm.

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2017	KH 2018	TH 2018	TH 2018/ KH 2018	TH 2018/ TH 2017
Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.085.215	943.000	1.127.665	119,58%	3,91%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	73.992	60.000	60.363	100,6%	(18,42%)
Tỷ lệ cổ tức	%	25%	>= 10%	5%(*)	-	(20%)

(*) Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 5%. Mức chia sẽ do ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua

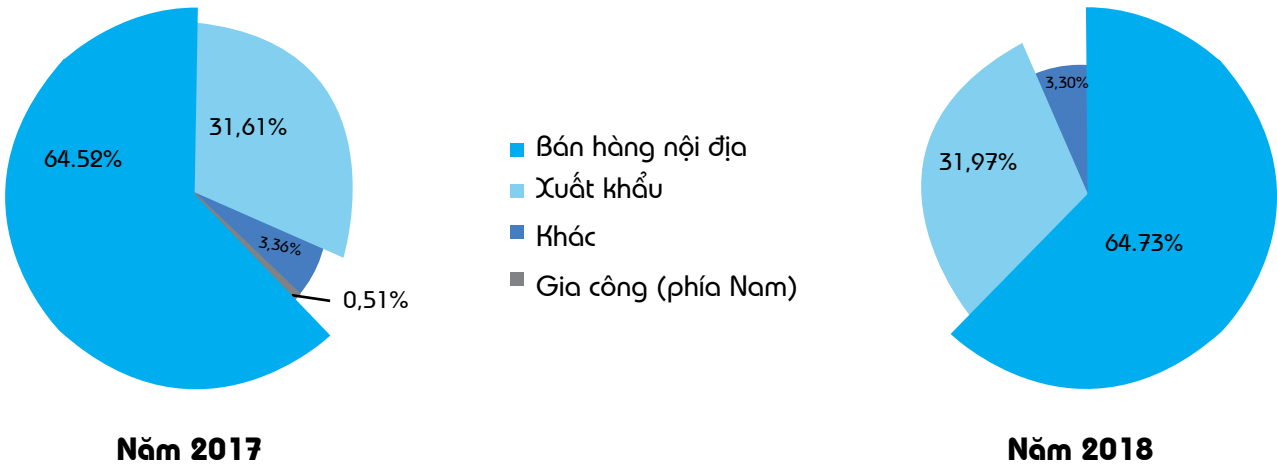
KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017 - 2018



ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu từ bán hàng nội địa				
Doanh thu sản xuất tiêu thụ trong nước	693.992	64,5%	723.277	64,7%
Doanh thu từ gia công (Phía Nam)	5.508	0,5%	-	0,0%
Doanh thu từ nguồn khác	36.171	3,4%	36.823	3,3%
Doanh thu từ xuất khẩu				
Doanh thu từ xuất khẩu	340.028	31,6%	357.235	32,0%
Tổng cộng	1.075.699	100%	1.117.335	100%

CƠ CẤU DOANH THU



Doanh thu chính của Công ty đến từ các sản phẩm chất tẩy rửa như bột giặt, nước rửa chén, nước lau sàn, nước xả vải. Từ số liệu trên thể thấy cơ cấu doanh thu năm 2018 của Công ty không có nhiều biến động. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu vẫn đến từ thị trường nội địa.

Năm 2018, doanh thu nội địa đạt 760 tỷ đồng, tăng 3,32% so với cùng kỳ. Doanh thu xuất khẩu của Công ty đạt 357 tỷ đồng, tăng 5,06% so với năm 2017. Tốc độ tăng trưởng sản phẩm và doanh thu từ xuất khẩu có xu hướng tăng nhanh hơn thị trường nội địa. Điều này cho thấy, Công ty đã tận dụng được các hiệp định quốc tế giữa Việt Nam và các nước như EU, Hàn Quốc, Nhật Bản.... để mở rộng thị phần Công ty, hướng đến mục tiêu trở thành nhà sản xuất lớn trong khu vực và thế giới. Đồng thời, Công ty tiếp tục duy trì các thị trường truyền thống bao gồm Nhật Bản, Úc, New Zealand, các nước Asean, Châu Mỹ, Châu Âu, v.v...



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
1	Trần Quốc Cường	Chủ tịch HĐQT	
2	Thái Thị Hồng Yến	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	
3	Phạm Quang Hòa	Thành viên HĐQT	
4	Phan Văn Tiền	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 27/04/2018
5	Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/04/2018
6	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	
II	BAN KIỂM SOÁT		
1	Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng ban BKS	
2	Dương Huy Mạnh	Ủy viên BKS	
3	Nguyễn Thị Mai Phương	Ủy viên BKS	
III	BAN ĐIỀU HÀNH		
1	Thái Thị Hồng Yến	Tổng Giám đốc	
2	Phạm Quốc Cường	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Công nghệ và Sản xuất	
3	Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc chất lượng	
4	Trần Thị Ái Liên	Kế toán trưởng	

Tình hình thay đổi nhân sự

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phan Văn Tiền	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 27/04/2018
2	Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/04/2018

Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Thái Thị Hồng Yến	Tổng Giám đốc	0,505%
2	Phạm Quốc Cường	Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Công nghệ và Sản xuất	0,000%
3	Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc Chất lượng	0,008%
4	Trần Thị Ái Liên	Kế toán trưởng	0,111%



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Bà THÁI THỊ HỒNG YẾN
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Giới tính	Nữ
Năm sinh	23/10/1968
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ quản trị kinh doanh; Cử nhân khoa học; Cử nhân Anh văn; Cử nhân Nga Văn. 1986-1988: Học Đại học Ngoại ngữ Quân sự; 1988-1989: Học chuyển tiếp khoa Ngoại Ngữ, trường Đại học Rax-top; 1989-1990: Học Đại học Ngoại ngữ Quân sự; 1990-1993: Cán bộ lâm trường Tân phú ; 1993-1995: Công tác tại Xí nghiệp kinh doanh lâm sản; 1995-2000: Công tác tại phòng Tổ chức, Công ty cổ phần bột giặt NET; 2000-2002: Là chuyên viên thị trường công ty cổ phần bột giặt NET tại CN Hà Nội; 2002-06/2003: Công tác tại phòng Tổ chức, Công ty cổ phần bột giặt NET; 7/2003-4/2004: Phó phòng bán hàng, Công ty cổ phần bột giặt NET; 5/2004 -11/2004: Trưởng phòng bán hàng, Công ty cổ phần bột giặt NET; 12/2004-12/2006: Giám đốc thương mại, Công ty cổ phần bột giặt NET; 12/2006 – 30/4/2016: Ủy viên HĐQT, Giám đốc thương mại, Công ty cổ phần bột giặt NET; 01/5/2016 - 1/01/2017: Ủy viên HĐQT, Giám đốc điều hành, Giám đốc thương mại, - Công ty cổ phần bột giặt NET; 01/5/2016 đến nay: Thêm nhiệm vụ Trưởng Ban Quản lý dự án Bí thư Đảng ủy công ty; 01/02/2017 đến nay: Tổng Giám Đốc - Công ty cổ phần bột giặt NET.
Quá trình công tác	

Ông PHẠM QUỐC CƯỜNG
Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Công nghệ và Sản xuất

Giới tính	Nam
Năm sinh	10/01/1971
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Hóa học; Giấy chứng nhận Quản lý đào tạo cấp trung do trường PACE cấp 1995 - 1998: Trường ĐH Bách khoa TP. HCM 1998 – 2000: Công ty TNHH Quốc tế Unilever 2000 – 2004: Công ty TNHH Quốc tế Unilever 2004 – 2006: Công ty TNHH Quốc tế Unilever 2006 – 2009: Công ty TNHH Quốc tế Unilever 2009 – 2011: Công ty TNHH Quốc tế Unilever 02/2012 – 03/2012: Công ty cổ phần bột giặt NET 03/2012 – 07/2012: Công ty cổ phần bột giặt NET - Giám đốc Sản xuất 07/2012 – 10/2015: Công ty cổ phần bột giặt NET - Giám đốc Sản xuất - Ủy viên BCH Công đoàn công ty 10/2015 – 07/2017: Công ty cổ phần bột giặt NET - Giám đốc Sản xuất - Trợ lý GĐĐH về nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. - Ủy viên BCH Công đoàn công ty 01/08/2017: Công ty cổ phần bột giặt NET - Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Công nghệ và Sản xuất
Quá trình công tác	

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Ông CAO TRẦN ĐĂNG KHOA

Giám đốc chất lượng

Giới tính	Nam
Năm sinh	27/03/1976
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Hóa học Chứng nhận Kế toán Doanh nghiệp
Quá trình công tác	1997 – 1999: Công ty bột Giặt Lix - Nhân viên kỹ thuật 1999 – 2001: Công ty Vật tư Nông nghiệp Tiền Giang - Nhân viên kỹ thuật 2001 – 2003: Công ty TNHH Nam Trinh - Nhân viên kỹ thuật/ Marketing 2003 – 2005: Công ty TNHH A.V.A.L - Giám sát sản xuất 2005 – 2009: Công ty TNHH KAO Việt Nam - Giám sát chất lượng 2009 – 3/2011: Công ty cổ phần bột Giặt NET - Phó Giám Đốc Kỹ thuật 3/2011 – 3/2017: Công ty cổ phần bột Giặt NET - Giám Đốc Kỹ thuật 4/2017 - 7/2017: Công ty cổ phần bột Giặt NET - Giám Đốc Kỹ thuật, - Chủ tịch Công Đoàn Công ty 08/2017 đến nay: Công ty cổ phần bột Giặt NET - Giám Đốc Chất lượng, - Chủ tịch Công Đoàn Công ty

Bà TRẦN THỊ ÁI LIÊN

Kế toán trưởng

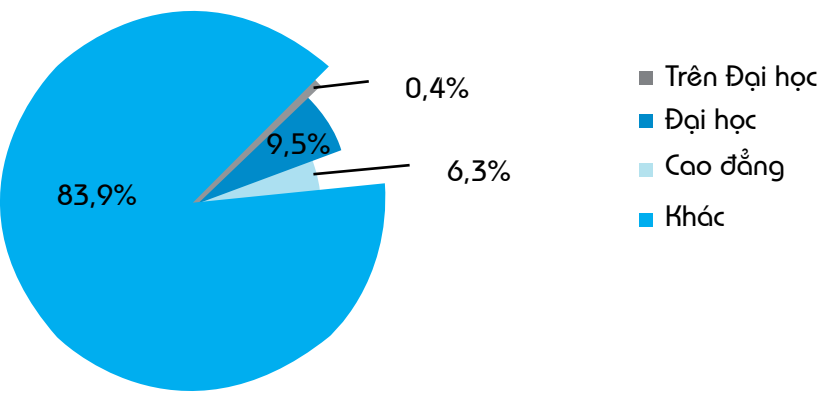
Giới tính	Nữ
Năm sinh	18/05/1970
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán các ngành Sản xuất (ĐH Tài chính kế toán). Chứng chỉ Kế toán trưởng
Quá trình công tác	- Từ 1992 – 2000 : Công ty cổ phần bột giặt Net - Nhân viên Kế toán - Từ 2000-06/2003: Công ty cổ phần bột giặt Net - Phó phòng kế toán - Từ 07/2003-2007: Công ty cổ phần bột giặt Net - Trưởng phòng kế toán - Từ 2007 đến nay: Công ty cổ phần bột giặt Net - Kế toán trưởng

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ và công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	570	100%
1	Trên Đại học	2	0,4%
2	Đại học	54	9,5%
3	Cao đẳng	36	6,3%
5	Khác	478	83,9%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	570	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	308	54%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	262	46%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	0	0%

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ



CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chính sách người lao động

Nhân lực là nền tảng, là cốt lõi để vận hành một bộ máy doanh nghiệp. Doanh nghiệp muốn phát triển bền vững bên cạnh định hướng chiến lược đúng đắn còn phải có nguồn nhân lực chất lượng. Theo đó, Ban lãnh đạo luôn chú trọng và quan tâm đến người lao động. Sau khi di dời trụ sở chính và địa điểm sản xuất từ Khu công nghiệp Biên Hòa 1 về Khu công nghiệp Lộc An – Bình Sơn, Công ty đã thực hiện chính sách ổn định nguồn nhân lực, hỗ trợ việc di chuyển cho người lao động với hình thức thuê xe đưa rước chở cán bộ công nhân viên đi làm tuyến Biên Hòa - Lộc An và duy trì Hồ Chí Minh – Lộc An. Song song với việc duy trì lực lượng lao động lâu năm có tay nghề, công ty đồng thời thực hiện tuyển dụng nguồn nhân lực tại địa phương với tỷ lệ từ 5% - 15% để đào tạo và huấn luyện dần thay thế những lao động cư ngụ ở địa bàn xa nghỉ việc.

Thời gian làm việc: Chế độ về thời gian làm việc dành cho người lao động được Công ty thực hiện đúng theo Luật lao động: 8 giờ mỗi ngày. Căn cứ vào từng giai đoạn sản xuất, mùa cao điểm hay bình thường Ban lãnh đạo Công ty sẽ chủ động linh hoạt sắp xếp nhân viên làm tăng ca trên tinh thần tự nguyện để vừa đáp ứng kế hoạch vừa đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Tối đa hóa lợi nhuận là định hướng của mọi doanh nghiệp nói chung và NETCO nói riêng, nhưng không vì vậy mà Công ty bỏ qua người lao động. Theo đó, chính sách và quy định về thời gian làm việc và đãi ngộ của Công ty được xây dựng dựa trên tiêu chí đảm bảo quyền lợi và sức khỏe cao nhất cho người lao động.



Điều kiện và môi trường nơi làm việc: Mong muốn mạnh mẽ của Công ty là xây dựng một Gia đình NETCO - nơi mà ngoài công việc chuyên môn, toàn thể nhân viên đều phải có tinh thần đoàn kết, chia sẻ với nhau và cùng nhau phát triển. Công ty luôn kiên định trong mục tiêu xây dựng và gìn giữ một môi trường làm việc an toàn, thân thiện và chuyên nghiệp tạo điều kiện cho các CB-CNV thỏa sức sáng tạo, phát huy năng lực, trình độ của mình và hợp tác với nhau hướng tới sự phát triển chung của Công ty cũng như sự phát triển của từng cá nhân.

Do đặc thù ngành nghề kinh doanh tác động lớn đến sức khỏe con người nên công tác chăm sóc sức khỏe người lao động rất được quan tâm. Cụ thể các hoạt động Công ty đã thực hiện trong năm:

- Ở từng bộ phận, công đoạn sản xuất, Công ty trang bị bảo hộ lao động cần thiết cho người lao động, nhằm hạn chế thấp nhất mức tác động của hóa chất đến sức khỏe công nhân, đồng thời đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Môi trường làm việc được dọn vệ sinh sạch sẽ hằng ngày bởi đội ngũ riêng, khuyến khích công nhân tự bảo vệ sức khỏe và giữ gìn vệ sinh trong và ngoài khuôn viên làm việc.
- Triển khai chính sách khám tổng quát định kỳ và tích cực đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, chế độ dinh dưỡng.
- Đầu năm 2018, nhà máy mới Lộc An – Bình Sơn chính thức đi vào hoạt động, nhà máy đã nhận được những phản hồi đánh giá ĐTM (đánh giá tác động môi trường) tích cực từ Bộ khoa học công nghệ.
- Môi trường làm việc an toàn, thân thiện và chuyên nghiệp là điều kiện, là cơ sở để NETCO phát triển bền vững, hướng đến vì con người và cộng đồng.

Nghỉ phép nghỉ lễ, Tết: Chính sách của NETCO là quan tâm, chăm sóc toàn diện đến người lao động từ vật chất đến tinh thần. Theo đó, vào các dịp lễ tết ngoài đảm bảo cho CB-CNV và người lao động được nghỉ đúng quy định, Công ty còn thực hiện các chính sách:

- Tổ chức ngày hội thi đua cho toàn thể công nhân viên và các buổi nghỉ mát nhằm tạo tinh thần đoàn kết và mối quan hệ, tạo điều kiện giao lưu giữa các phòng ban với cấp trên.
- Theo quy định của Công ty nhân viên làm việc trong một khoảng thời gian nhất định sẽ được hưởng chế độ nghỉ phép 14 ngày mỗi năm, phụ nữ thai sản sẽ được nghỉ theo quy định Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, nhân viên bị ốm thì cũng được hưởng lương nghỉ sản, nghỉ ốm.



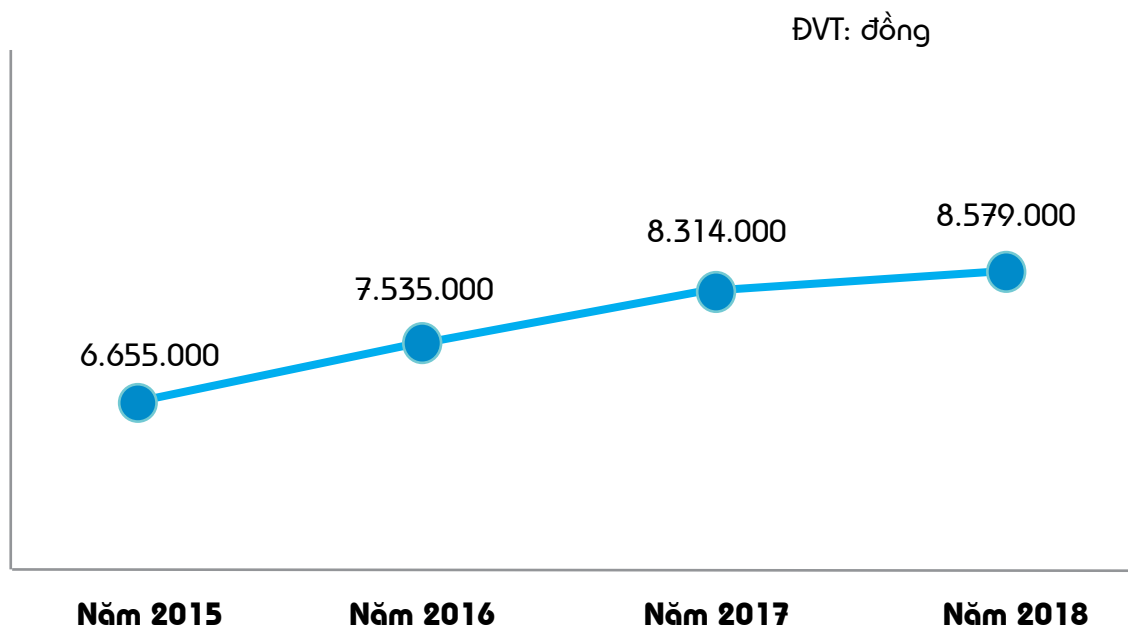
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chính sách lương, thưởng

Các chính sách lương luôn được công ty thực hiện đầy đủ nhằm đảm bảo quyền lợi cho cán bộ công nhân viên theo quy định mà Nhà nước ban hành. Bên cạnh chính sách lương phù hợp Công ty còn có các khoản thưởng, phụ cấp khác tùy thuộc vào vị trí công tác, năng lực làm việc và đóng góp vào kết quả kinh doanh. Cụ thể, Ban lãnh đạo thiết lập các mức thưởng dựa trên các tiêu chí như:

- Năng lực, kết quả hoàn thành trong một thời gian nhất định
- Mức độ đóng góp ý tưởng công sức vào sự phát triển chung để tạo động lực làm việc cho nhân viên nhằm phát huy khả năng sáng tạo của họ, góp phần vào lợi ích chung của Công ty.
- Tùy vào mục tiêu của từng giai đoạn, công ty đưa ra chương trình thưởng khác nhau. Trong năm 2018, ngoài chương trình “Tiết kiệm trong sản xuất” và “Tôi là người bán hàng xuất sắc”, công ty phát động phong trào “nhà máy không khói thuốc” đã được đông đảo người lao động đồng tình hưởng ứng sôi nổi.
- Vào dịp kết thúc năm, công ty tiến hành họp tổng kết tại các phòng ban, đơn vị để đánh giá, tuyên dương và khen thưởng những đơn vị và cá nhân điển hình trong phòng trào thi đua sản xuất kinh doanh. Tất cả cán bộ công nhân viên Công ty được hưởng tối thiểu tháng lương thứ 13 trên cơ sở phân phối theo số tháng làm việc và tiền thưởng theo kết quả làm việc cũng như mức đóng góp trong năm.

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Chính sách phúc lợi

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực, Công ty luôn quan tâm, chăm lo đến sức khỏe, đời sống của người lao động. Cụ thể, các chế độ bảo hiểm như Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể, bảo hiểm tai nạn cho người lao động, tạo điều kiện cho người lao động được khám sức khỏe định kỳ 02 lần nhằm tạo môi trường làm việc năng động và đảm bảo an toàn cho nhân viên của mình.

Ngoài các chính sách giúp ổn định thu nhập sinh hoạt, Công ty còn tổ chức các hoạt động nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao thường xuyên được tổ chức không chỉ nâng cao kiến thức về văn hóa, kinh tế, chính trị - xã hội mà còn hướng đến xây dựng một tập thể lao động đoàn kết, gắn bó với nhau, góp phần tạo nên bản sắc của NETCO.

Chính sách tuyển dụng và đào tạo

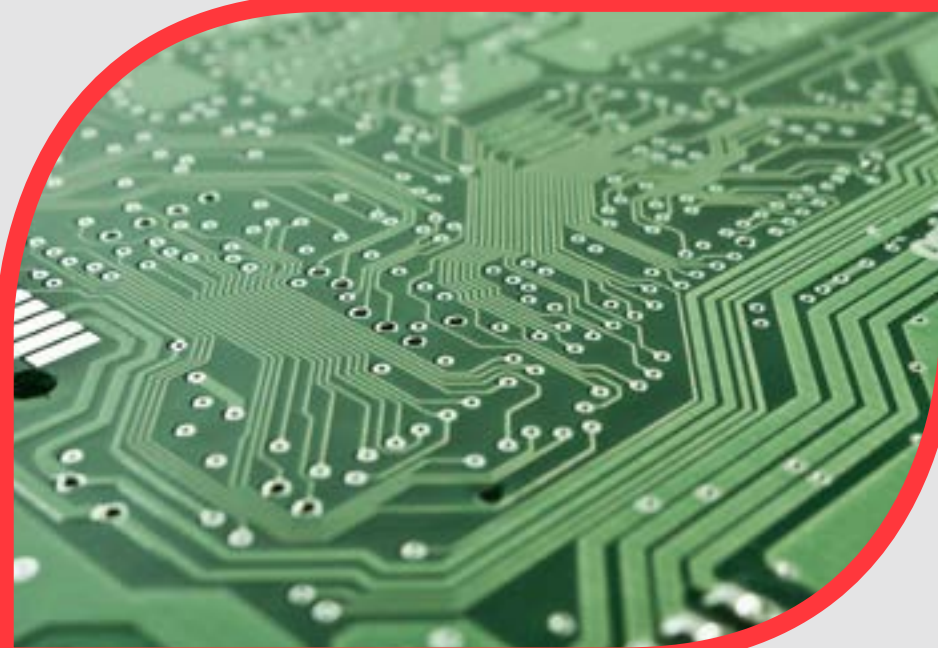
Công ty tìm kiếm những cá nhân có tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, nhiệt tình, siêng năng, sẵn sàng lắng nghe và sẵn sàng hợp tác. Công ty tuyển dụng nhân sự dựa trên hình thức đánh giá năng lực, kinh nghiệm và kỹ năng phù hợp cho từng vị trí. Trân trọng sự đa dạng và đề cao các cơ hội công bằng, không phân biệt giới tính, tôn giáo hay quốc tịch v.v...

Đào tạo để phát triển là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách nhân sự của Công ty. Mục tiêu đào tạo về nhân sự của Công ty là giải quyết chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và tâm huyết với công việc. Theo đó, hàng năm Công ty còn tổ chức cho CB-CNV xuất sắc tham gia những khóa học bổ sung, hoàn thiện kiến thức để đảm nhận những công việc ở tầm cao hơn.

Song song với hình thức đào tạo ngoài công việc, Công ty luôn chú trọng tới công tác đào tạo nội bộ với những buổi chia sẻ về kỹ năng mềm (kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng bán hàng...). Các buổi đào tạo này ngoài mục đích chia sẻ kiến thức, kỹ năng còn giúp tạo sự gắn kết và chia sẻ giữa các CB-CNV Công ty.

Dự án Phần mềm Quản trị Nội Bộ

- Tổng mức đầu tư dự kiến ban đầu: 2 tỷ đồng.
- Khoản ứng trước: 102.500.000 đồng
- Lợi ích mang lại: tăng tính kiểm soát hệ thống nội bộ, hạn chế chi phí quản lý cho doanh nghiệp, làm tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.



Đầu tư góp vốn vào CTCP Rau quả Cần Thơ

- Tổng mức đầu tư: 716.390.400 đồng.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 6.600 cổ phiếu, mệnh giá là 100.000 đồng/cổ phiếu, chiếm 10,1% vốn điều lệ của CTCP Rau quả Cần Thơ.
- Tình hình khoản đầu tư: Theo các thông tin Công ty đã thu thập được thì CTCP Rau quả Cần Thơ đã ngừng hoạt động do hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị này bị thua lỗ kéo dài và hiện đơn vị này đã làm thủ tục đóng mã số thuế; Ban điều hành Công ty Cổ phần Bột giặt Net đã quyết định trích lập dự phòng theo mức 100% cho toàn bộ khoản đầu tư nói trên với số tiền 716.390.400 đồng (tại thời điểm 31/12/2015 là 716.390.400 đồng).



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/giảm so với năm 2017
Tổng tài sản	Triệu đồng	605.743	608.819	0,51%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.075.531	1.117.335	3,89%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	73.708	57.272	(22,30%)
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	73.992	60.363	(18,42%)
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	59.160	56.620	(4,29%)
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	284	3.091	988,38%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cp	2.472	2.376	(3,88%)
Tỷ lệ cổ tức	%	25%	5% (*)	20%

(*) Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 5%. Mức chia sẽ do ĐHCĐ thường niên 2019 thông qua

Tính đến cuối năm 2018, tổng tài sản Công ty đạt 609 tỷ đồng, tăng 3 tỷ đồng, tương ứng tăng 0,51% so với năm 2017. Nguyên nhân chính là do Công ty tăng lượng dự trữ hàng tồn kho, chủ yếu là nguyên liệu có biến động tăng giá từ Q1/2019 và thành phẩm để đáp ứng kịp thời lượng cung cầu của thị trường, điều này cũng góp phần trong việc tăng trưởng doanh thu trong năm qua. Cụ thể, doanh thu thuần năm 2018 đạt 1.117 tỷ đồng, tương ứng tăng 41,8 tỷ đồng.

Các khoản chi phí trong năm có xu hướng tăng: Giá vốn hàng bán tăng hơn 81 tỷ đồng (chi phí nguyên liệu, vật liệu và chi phí khấu hao TSCĐ là chủ yếu), tương ứng tăng 9,68%, Chi phí tài chính cũng tăng mạnh hơn 3,3 tỷ đồng, tương ứng tăng 114,08%. Nguyên nhân là Công ty đã vay ngắn hạn bằng ngoại tệ để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và các khoản này vẫn chưa đến hạn thanh toán. Đồng thời, Công ty cũng xuất khẩu sản phẩm và nhập khẩu nguyên liệu tại thị trường nước ngoài nên các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Các khoản chi phí tăng đã kéo các chỉ tiêu lợi nhuận giảm. Cụ thể, lợi nhuận từ HĐKD đạt 57,3 tỷ đồng, giảm 22,30%. Lợi nhuận trước thuế đạt 60,4 tỷ đồng, giảm 4%. Lợi nhuận sau thuế đạt 56,6 tỷ đồng, giảm 4,29%.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,76	0,83
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,43	0,43
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	53,56%	52,46%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	115,3%	110,37%
Chỉ tiêu về hiệu suất hoạt động			
Hệ số Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,84	7,74
Hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,87	1,84
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,50%	5,07%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân	%	21,06%	19,84%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	10,31%	9,32%
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	6,85%	5,13%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính

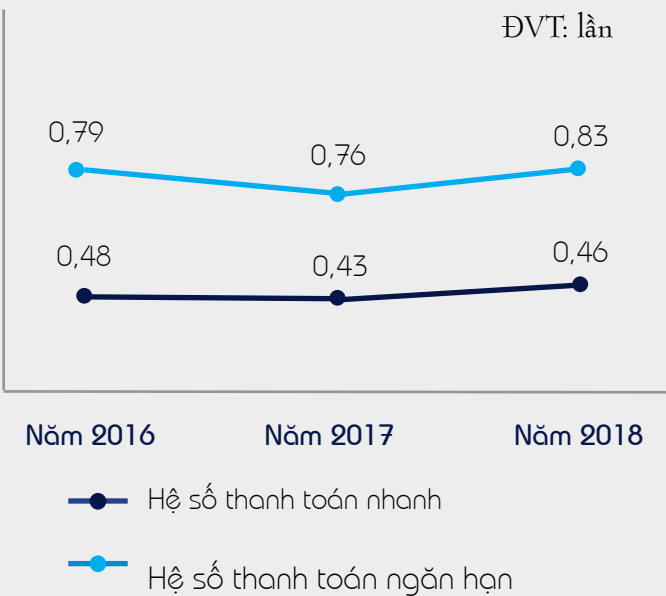
Khả năng thanh toán

Năm 2018, khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh của Công ty đều tăng. Cụ thể hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 0,83 lần, tương ứng tăng 8,71% và hệ số thanh toán nhanh đạt 0,46, tương ứng tăng 6,45% so với năm 2017. Nguyên nhân là do nợ ngắn hạn giảm 5 tỷ và tài sản ngắn hạn tăng hơn 17 tỷ. Nợ ngắn hạn giảm do các khoản vay ngắn hạn năm 2017 đã được thanh toán hết cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, các khoản doanh thu chưa thực hiện đã được Công ty hoàn thành đúng hạn nhằm đảm bảo uy tín của Công ty đối với khách hàng. Tài sản ngắn hạn tăng do hàng tồn kho tăng 20,36 tỷ đồng. Đây là chính sách dự trữ nguyên vật liệu của Công ty cho sản xuất chất tẩy rửa, cung ứng kịp thời cho hoạt động sản xuất của Công ty và ứng phó với việc biến động giá đầu vào.

Cơ cấu vốn

Hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/nguồn vốn chủ sở hữu lần lượt đạt 52,46% và 110,37%, giảm 1,10% và 4,98% so với năm 2017. Nguyên nhân là do nợ vay giảm vì Công ty đã thanh toán được phần lớn các khoản nợ góp phần hạn chế những rủi ro lãi suất biến động bất thường, gây ảnh hưởng đến chi phí lãi vay. Qua tình hình cơ cấu vốn, cho thấy công ty đã quản lý chặt chẽ các khoản nợ khi sử dụng vốn vay hợp lý và thanh toán các khoản nợ đúng hạn nhằm tạo mối quan hệ tốt cũng như giữ uy tín với các tổ chức tín dụng.

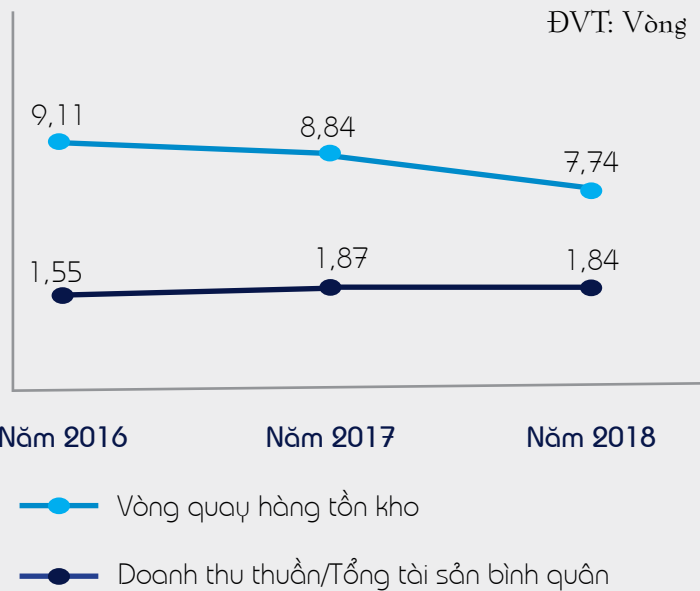
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



Năng lực hoạt động

Hệ số Vòng quay hàng tồn kho năm 2018 giảm 12,39% cho thấy số ngày tồn kho của Công ty đang tăng lên. Tuy nhiên, đặt trong bối cảnh Nhà máy Lộc An - Bình Sơn mới được đưa vào hoạt động từ cuối năm 2017 và chính sách dự trữ hàng để chuẩn bị cho hoạt động sản xuất 2019, thì xu hướng giảm trên là hợp lý. Hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản giảm 1,61%. Nguyên nhân, tài sản cố định mới hình thành Nhà máy Lộc An - Bình Sơn chưa mang lại doanh thu tương xứng.

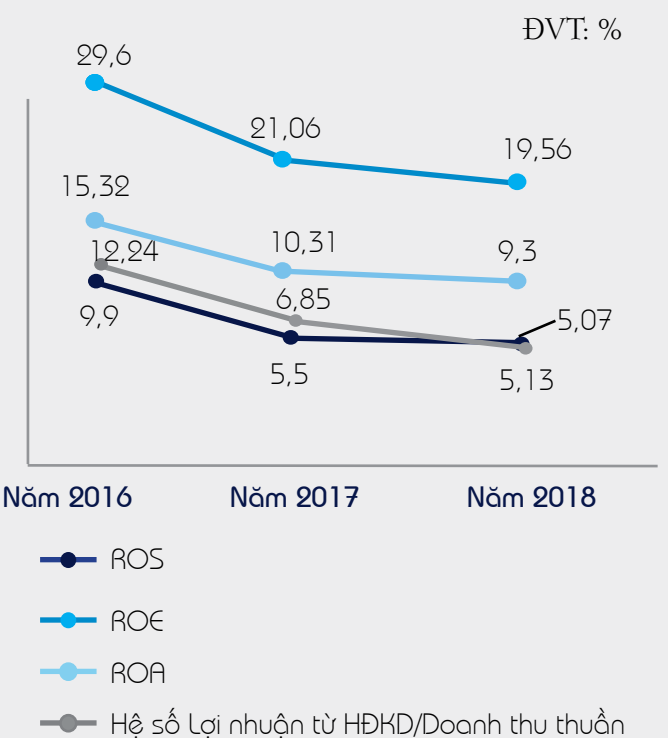
CHỈ TIÊU VỀ HIỆU SUẤT HOẠT ĐỘNG



Khả năng sinh lời

Nhìn chung, khả năng sinh lời năm 2018 còn hạn chế. Tuy nhà máy mới đi vào hoạt động đã góp phần làm tăng doanh thu 3,89% nhưng chi phí khấu hao tăng hơn 26,72%, làm cho lợi nhuận sau thuế giảm 4,29%. Biến động giảm của lợi nhuận sau thuế đã kéo các chỉ số ROS, ROE và ROA giảm lần lượt là 7,87%, 7,1% và 9,8%. Tuy nhiên tại các hệ số khả năng sinh lời của Công ty kém hấp dẫn nhưng trong tương lai khi nhà máy mới đi vào hoạt động tối đa công suất, các chi phí sản xuất kinh doanh ổn định thì doanh thu và lợi nhuận Công ty sẽ được cải thiện.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

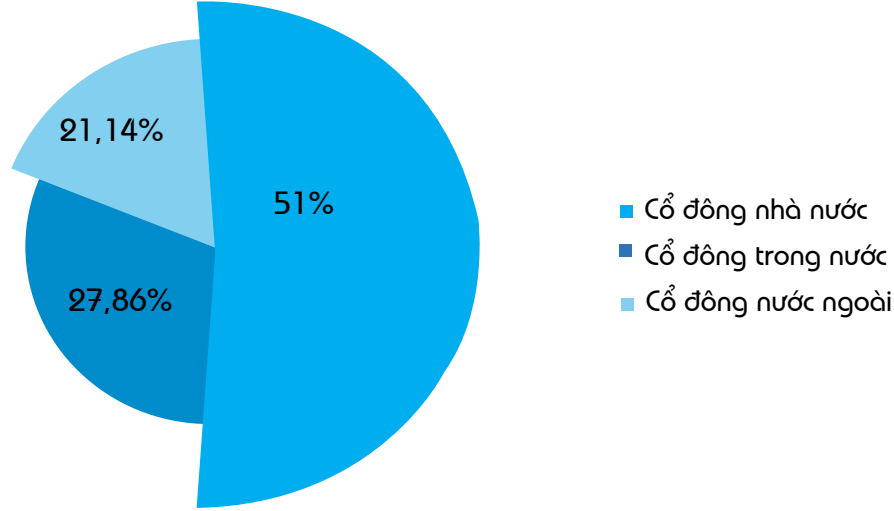
Cổ phần

STT	Cổ phần	Số lượng
1	Tổng số cổ phần đã phát hành	22.398.374 cổ phần
2	Số lượng cổ phần đang lưu hành	22.398.374 cổ phần
3	Loại cổ phần	Cổ phần thường
4	Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng	22.398.374 cổ phần
5	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phần

Cổ phần cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần (cp)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	11.423.498	51%
II	Cổ đông trong nước	6.240.769	27,86%
1	Cổ đông cá nhân	6.238.064	27,85%
2	Cổ đông tổ chức	2.705	0,01%
III	Cổ đông nước ngoài	4.734.107	21,14%
1	Cổ đông tổ chức	14.841	0,07%
2	Cổ đông cá nhân	4.719.266	21.07%
Tổng cộng		22.398.374	100%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2018, Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:

- **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có
- **Các chứng khoán khác:** Không có



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong hơn 50 năm hoạt động, yếu tố “Nhân” đã luôn đóng vai trò trọng tâm trong các quyết định sản xuất của Công ty. Trong châm ngôn hoạt động “Chính trực, tôn trọng, hợp tác” của Công ty cũng thể hiện rõ tầm nhìn về “Nhân” của Ban lãnh đạo: Đối xử trung thực, trên tinh thần tôn trọng, hợp tác cùng phát triển. Yếu tố cốt lõi “Nhân” của NETCO thể hiện qua:

- “Nhân” trong quan hệ với khách hàng, đối tác: Công ty luôn mang đến những sản phẩm chất lượng, phù hợp với nhu cầu sử dụng của khách hàng đồng thời luôn tuân thủ theo quy định của pháp luật trong phạm vi cho phép. Với mục tiêu giữ vững vị thế và uy tín trên thị trường, NET đã và đang được nghiên cứu các công thức sản phẩm và đưa ra thị trường sản phẩm tốt nhất dựa trên cơ sở an toàn cho người sử dụng và không ảnh hưởng xấu đến môi trường, đồng thời Công ty không vì chạy theo lợi nhuận mà tìm kiếm nguồn nguyên liệu đầu vào không đảm bảo chất lượng và giá rẻ.
- “Nhân” trong ứng xử với người lao động: Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động và hướng tới hoạt động vì cộng đồng.
- Để tạo môi trường làm việc tích cực cho người lao động, Công ty còn thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội nhằm hỗ trợ phần nào cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn có ý chí cố gắng vươn lên trong Công ty
- “Nhân” trong ứng xử với xã hội và cộng đồng: Công ty tích cực tham gia các chương trình từ thiện như: nuôi dưỡng suốt đời một bà mẹ Việt Nam anh hùng cư ngụ tại Long Thành – Đồng Nai và một thương binh cư ngụ tại Quận 8 – TP. HCM, tài trợ chương trình “Vượt lên chính mình”, chương trình “Áo trắng tới trường” tại một số trường tiểu học thuộc đồng bằng sông Cửu Long và Miền Trung. Hoạt động của Công ty cũng góp phần tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, từ đó giúp hạn chế tỷ lệ thất nghiệp và các tệ nạn xã hội làm mất trật tự an toàn xã hội, mang đến sự phát triển bền vững cho xã hội và cả Công ty.



Chính sách liên quan đến người lao động

Giữ gìn và phát triển nguồn nhân lực là giá trị cốt lõi cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty. Công ty không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từ việc xây dựng hệ thống các quy chế, chính sách từ khâu tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng đến phúc lợi, phụ cấp. Theo đó, Ban lãnh đạo luôn đặc biệt quan tâm và thực hiện nghiêm túc các chính sách sau:

- Thực hiện ký hợp đồng lao động đầy đủ với toàn bộ người lao động, tạo việc làm ổn định, đăng ký mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể theo đúng quy định pháp luật người lao động.
- Xây dựng môi trường làm việc thân thiết và bình đẳng, góp phần tạo ra lực đẩy gia tăng năng suất. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khang trang, giúp cán bộ công nhân viên có việc làm thoải mái, tiện nghi để phát huy tối đa tính sáng tạo, từ đó nâng cao hiệu suất lao động góp phần thúc đẩy doanh nghiệp phát triển.
- Công ty quy định các chế độ như nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ Tết, hưởng chế độ lương tháng thứ 13 theo thâm niên, ngoài ra, các cán bộ công nhân viên còn được thưởng theo quy định của Công ty khi đến lễ và Tết, các khoản thưởng dành cho người lao động có đóng góp và làm việc vì lợi ích chung của Công ty.
- Thực hiện các chính sách chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động: tạo điều kiện cho công nhân giao lưu và trao đổi kinh nghiệm qua những hoạt động ngoài trời do Công ty tổ chức, chú trọng chăm lo đến đời sống của nhân viên khi thăm hỏi và hỗ trợ người lao động ốm đau, gia đình gặp khó khăn.
- Bên cạnh việc ổn định thu nhập và đời sống tinh thần cho nhân viên, đảm bảo điều kiện an toàn lao động và sức khỏe cũng là tiêu chí quan trọng trong quản lý nguồn nhân lực của Công ty, cụ thể: trang bị bảo hộ an toàn cho người động trong sản xuất, đồng thời tổ chức khám định kỳ hàng năm để đảm bảo sức khỏe và khuyến khích người lao động nâng cao hiệu quả trong sản xuất, cung cấp bữa ăn giữa trưa cho người lao động đảm bảo an toàn và chế độ dinh dưỡng, bồi dưỡng công nhân làm tăng ca, để đảm bảo sức khỏe cho người lao động, góp phần tăng năng suất sản xuất cho Công ty Tạo môi trường làm việc an toàn và lành mạnh đối với người lao động, tuyên truyền việc giữ gìn và bảo vệ môi trường trong và ngoài Công ty.
- Với mục tiêu mỗi CB-CNV và người lao động đều là một nhân tố đóng góp vào tăng trưởng Công ty. NETCO thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng bán hàng, phát huy khả năng nghiên cứu, sáng tạo của người lao động.
- Do đặc thù hoạt động của Công ty thuộc bên lĩnh vực sản xuất kinh doanh nên kiến thức về phòng cháy chữa cháy được Công ty đặc biệt chú trọng và tổ chức tập huấn, tuyên truyền đến mọi người để đảm bảo an toàn cho mỗi bản thân và lợi ích chung của tập thể Công ty.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Chính sách liên quan đến tiết kiệm năng lượng

Năng lượng là tài nguyên không thể thiếu trong cuộc sống của con người và nền kinh tế. Tuy nhiên, phần lớn năng lượng được sử dụng hiện nay có nguồn gốc từ nguồn nguyên liệu không tái tạo. Theo đó, việc tiết kiệm năng lượng là hành động được Chính phủ khuyến khích thực hiện do tình trạng cạn kiệt năng lượng ngày càng được báo động. Nhằm bắt được vấn đề này và nhằm góp phần giảm bớt chi phí hoạt động, Công ty Cổ phần Bột giặt NET đã chủ động thực hiện việc tiết kiệm tối đa nguồn năng lượng trong hoạt động ở bộ phận sản xuất kinh doanh và khối văn phòng và cùng với đó, Công ty còn đưa ra quy định và khuyến khích người lao động hưởng ứng

Do đó, trong năm Công ty đã giảm bớt với năng lượng tiêu thụ trực tiếp gián tiếp:

- Điện: 1.617.410 kWh
- Khí CNG: 1,4%

Mặt khác, Công ty còn hưởng ứng phong trào tiết kiệm trong việc tiêu thụ nước cho hoạt động sản xuất, nguồn mà Công ty sử dụng là thủy cục do CTCP Cấp nước Đồng Nai và công ty cổ phần VRG Long Thành cấp, với dung lượng là 34,761 m³/năm. Trong đó, tỷ lệ phần trăm tái chế và tái sử dụng nằm ở mức 100% lượng nước thải sản xuất, khoảng 5.500 m³/năm.

Chính sách quản lý nguồn nguyên vật liệu

NETCO chuyên sản xuất và kinh doanh chất tẩy rửa, trong đó nguyên liệu chính là hóa chất. Vì vậy, trong hoạt động sản xuất, Công ty luôn chú trọng việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hóa các bộ tiêu chuẩn định mức như tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu tiêu; các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Quản lý không hiệu quả sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí hoạt động của Công ty.

Bên cạnh đó, việc bảo quản và lưu giữ hóa chất không đúng cách không chỉ làm giảm chất lượng sản phẩm mà còn tác động đến sức khỏe người lao động. Hiểu được điều này, Công ty luôn đảm bảo an toàn và bảo toàn chất lượng để mang lại sản phẩm tốt khi đi vào sản xuất với hệ thống nhà kho luôn được bảo trì và đảm bảo nhiệt độ thích hợp.

Sản lượng sản phẩm chất tẩy rửa của Công ty được tiêu thụ khá nhiều tại thị trường trong và ngoài nước nên số lượng nguyên liệu sử dụng khá lớn, trong năm Công ty đã sử dụng 52,405 tấn nguyên liệu chính, 4,093 tấn nguyên liệu phụ, 97 tấn nhiên liệu. Đồng thời, để hạn chế nguyên liệu thừa trong quá trình sản xuất thải ra môi trường nên Công ty đã tận dụng 100% và mang tái chế để có thể tiếp tục sử dụng sản xuất sản phẩm và dịch vụ.

03 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- CẢI TIẾN CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ
- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2018

Trong năm 2018, nền kinh tế Việt Nam có sự phát triển vượt trội khi GDP tăng 7,08%, trong đó chỉ số bán uôn và bán lẻ tăng 8,51%. Đây là một dấu hiệu tích cực cho các doanh nghiệp trong ngành nói chung và Công ty Cổ phần Bột Giặt NET nói riêng. Cụ thể, tình hình hoạt động kinh doanh được thể hiện ở bảng sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	TH2018/KH 2018	TH2018/TH 2017
Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.085.215	943.000	1.127.665	119,58%	3,91%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	73.992	60.000	60.363	100,6%	(18,42%)
Tỷ lệ cổ tức	%	25%	>= 10%	5%(*)	-	(20%)

(*) Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 5%. Mức chia sẽ do ĐHDCĐ thường niên 2019 thông qua

Tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty đạt được một số thành tựu nhất định sau:

- Tổng doanh thu của Công ty đạt 1.128 tỷ đồng, vượt 19,6% so với kế hoạch, tương ứng tăng 3,91% so với năm 2017. Trong bối cảnh việc di chuyển trụ sở chính về khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn và Công ty ngừng gia công sản phẩm cho một khách hàng lớn chiếm khoảng 30-60% sản lượng tiêu thụ, thì kết quả tăng trưởng doanh thu trên là rất đáng ghi nhận.
- Hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra từ đầu năm. Cụ thể, Tổng doanh thu tăng 19,6% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế và tỷ lệ cổ tức tăng lần lượt là 0,6% và 13,8% so với dự kiến. Đây là một dấu hiệu khả quan cho Công ty trong các kế hoạch sắp tới.
- Ban lãnh đạo đã phối hợp chặt chẽ với đội ngũ cán bộ công nhân viên các phòng ban trong việc nghiên cứu, nắm bắt, cập nhật kỹ lưỡng về tình hình thị trường, hiểu rõ được nhu cầu và thị hiếu người tiêu dùng.

PHÂN TÍCH SWOT

Lợi thế

- 50 năm kinh nghiệm ngành sản xuất chất tẩy rửa và hơn 20 năm gia công cho các khách hàng đa quốc gia.
- Đội ngũ nhân sự có tâm, gắn bó và trung thành với lợi ích của Công ty.
- Công suất sản xuất lớn, tăng khả năng cung ứng cho thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Sự nhận biết về thương hiệu NET của người tiêu dùng ngày càng tăng. Thị trường tiêu thụ rộng rãi cả trong và ngoài nước như Úc, New Zealand, Châu Âu, Châu Mỹ,...

Cơ hội

- Nhà máy Lộc An - Bình Sơn khi đi đi vào hoạt động ổn định với công suất tối đa, sẽ mang lại doanh thu tăng trưởng tích cực cho Công ty, từ đó đưa Công ty trở thành những nhà sản xuất lớn trong ngành chăm sóc gia đình, vị thế của công ty cũng được khẳng định trong thị trường khu vực và toàn cầu.
- Các Hiệp định thương mại quốc tế giữa Việt Nam và các nước, góp phần tạo cơ hội cho Công ty mở rộng thị trường ra các nước như EU, Hàn Quốc, Nhật Bản...
- Nền kinh tế tăng trưởng, thu nhập bình quân đầu người tăng.

Thách thức

- Nâng cao hiệu suất sử dụng nhà máy Lộc An - Bình Sơn. Giải được bài toán giá thành và chi phí.
- Xây dựng đội ngũ đủ năng lực và đáp ứng yêu cầu trong điều kiện có một số yếu tố không thuận lợi.
- Các chính sách bảo hộ mậu dịch của các quốc gia được triển khai trong năm qua, làm rào cản cho việc xuất khẩu sản phẩm của Công ty ra các nước.

Khó khăn

- Chi phí/giá vốn cao do đang trong giai đoạn những năm đầu mới đầu tư nhà máy mới.
- Nguồn nguyên liệu chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài, dễ bị ảnh hưởng bởi tình hình biến động tỷ giá.
- Sự thay đổi về giá dầu mỏ cũng ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty
- Thị trường cạnh tranh gay gắt



ANALYZE

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

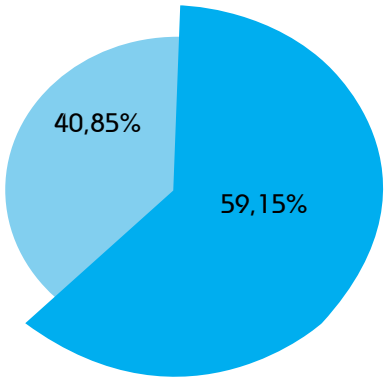
Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản dài hạn	358.275	59,15%	343.987	56,50%
Tài sản ngắn hạn	247.468	40,85%	264.832	43,50%
Tổng tài sản	605.743	100,00%	608.819	100,00%
Nợ ngắn hạn	324.365	53,55%	319.311	52,45%
Nợ dài hạn	100	0,02%	100	0,02%
Vốn chủ sở hữu	281.278	46,44%	289.408	47,54%
Tổng nguồn vốn	605.743	100,00%	608.819	100,00%

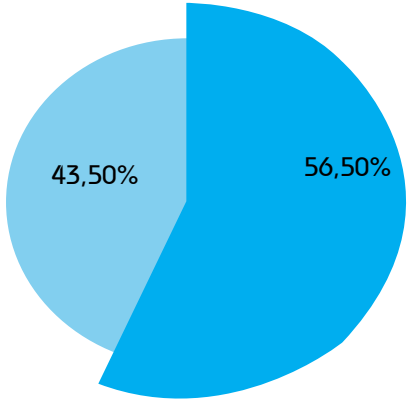
Cơ cấu tài sản

Tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn chiếm 56,50% và 43,50% trong cơ cấu tổng tài sản. Tỷ trọng tài sản dài hạn giảm 2,65% do nguyên giá tài sản cố định ghi nhận thêm giá trị hoàn thành Nhà máy Lọc An, theo đó kéo chi phí khấu hao tăng lên và làm giảm giá trị tài sản cố định trên Bảng cân đối kế toán. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng 2,65% do hàng tồn kho tăng tăng 18,76%. Nguyên nhân, chính sách dự trữ nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh vào năm sau.

CƠ CẤU TÀI SẢN



Năm 2017

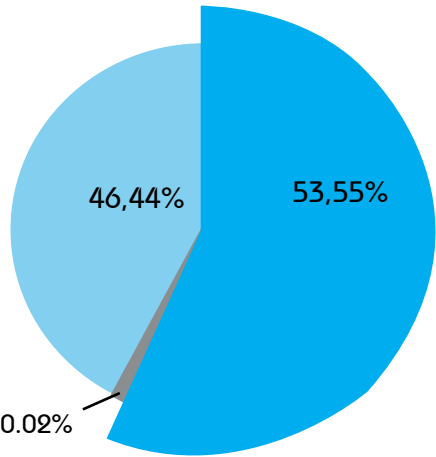


Năm 2018

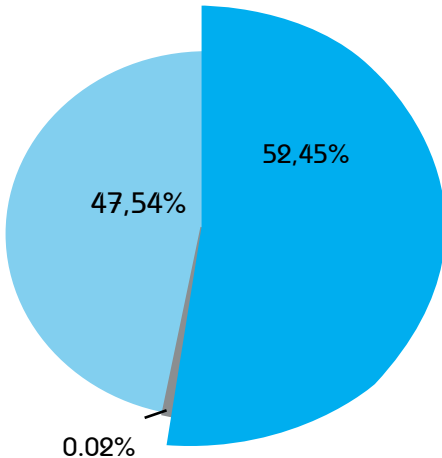
Nợ phải trả

Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu chiếm 52,47% và 47,54% trong cơ cấu tổng nguồn vốn của Công ty. Nợ ngắn hạn chiếm chủ yếu trong nợ phải trả, tỷ trọng giảm 1,1%. Nguyên nhân chính là do vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm 24,8% về giá trị. Nguyên nhân, năm qua Công ty đã thanh toán các khoản nợ vay đến hạn cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, gần 300 tỷ đồng, góp phần vừa làm giảm chi phí lãi vay cho Công ty vừa hạn chế rủi ro tỷ giá biến động bất thường như thời gian qua.

CƠ CẤU NGUỒN VỐN



Năm 2017



Năm 2018

CẢI TIẾN CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Công ty tiếp tục duy trì hoạt động dưới mô hình phân cấp. Cụ thể, tại từng phân xưởng, phòng ban quản lý được quyền ra quyết định trong phạm vi quyền hạn quy định. Mô hình này giúp Ban lãnh đạo quản lý tốt hơn về mặt nhân sự, tạo động lực cho cấp dưới và khuyến khích các cấp quản lý phát huy sáng tạo. Tuy nhiên, có một vài điểm trong mô hình cơ cấu tổ chức của khối kỹ thuật và QA được đánh giá còn kènh, có thể rút gọn và tinh giản nhưng chưa được thực hiện trong năm 2018. Theo đó, kế hoạch năm 2019 Công ty sẽ nỗ lực khắc phục những vấn đề trên để hoàn thiện hơn bộ máy quản lý.

Chính sách người lao động tiếp tục là một trong những chính sách trọng tâm của Công ty. Người lao động có chuyên môn cao, được đánh giá tốt cả về kết quả công việc và phẩm chất sẽ được Công ty khuyến khích, tạo điều kiện để phát huy khả năng tại Công ty. Để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho các phòng ban, công ty tiếp tục cử cán bộ đi học các khóa học ngắn hạn theo từng chuyên đề riêng. Chính sách tài chính, chính sách bán hàng, chính sách nguồn cung ứng, chính sách thưởng/phạt v.v...được thay đổi để phù hợp với tình hình của từng giai đoạn.

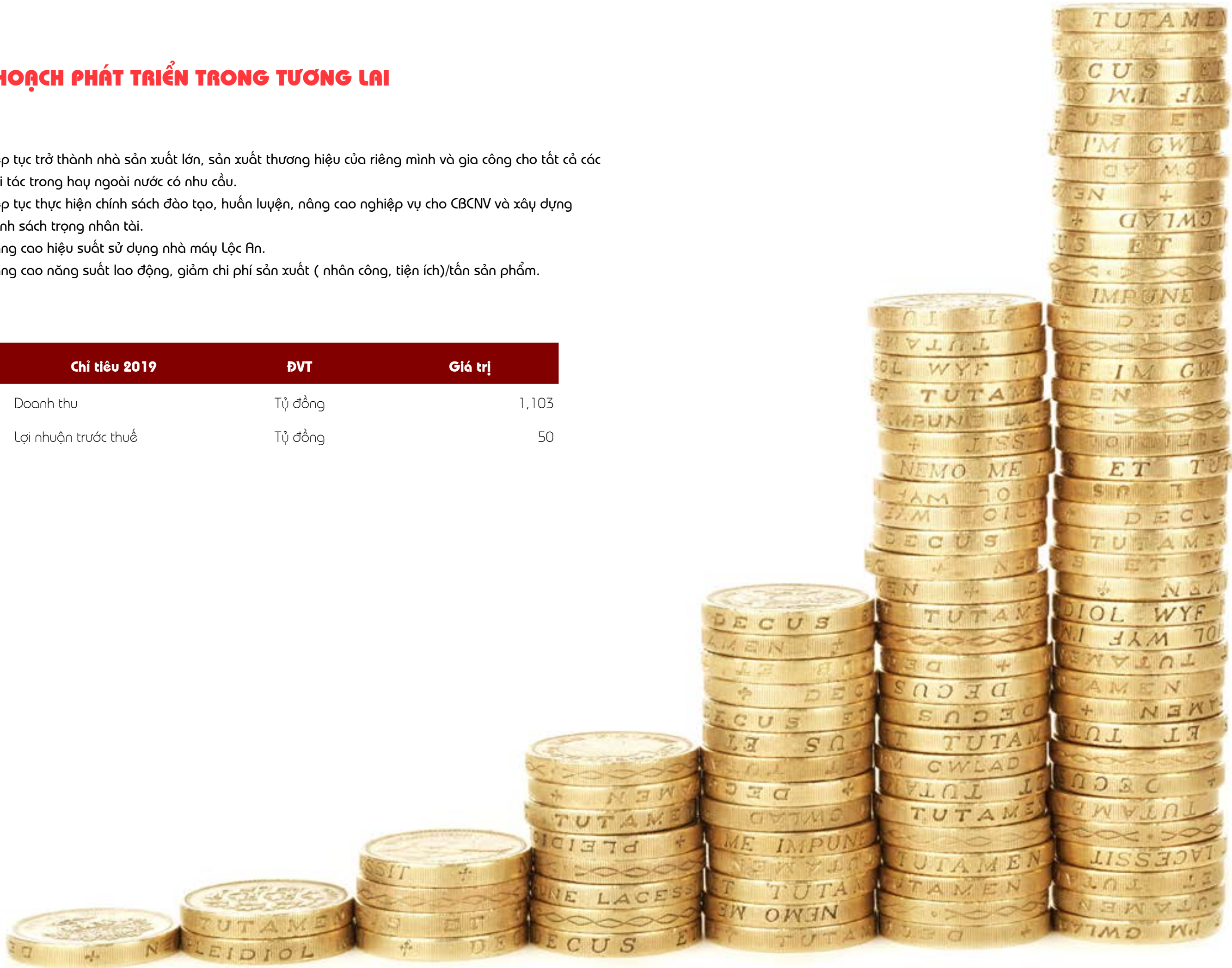
Ngoài việc triển khai các chính sách đề ra từ đầu năm, Công ty còn đưa ra các chính sách khác bổ sung, thay thế các điều khoản chưa hợp lý sau khi đánh giá lại chính sách cũ đã được tiến hành thực hiện vào mỗi quý. Có một điểm cần được ghi nhận và rất đáng khen ngợi đối với Ban lãnh đạo công ty khi nói về năm 2018. Đó là: anh em công nhân viên trong công ty tiếp tục làm việc với tinh thần và thái độ làm việc tích cực, sự tận tụy trong công việc, ý thức trách nhiệm cao, góp phần vào việc ổn định máy móc thiết bị vận hành sản xuất và gia tăng doanh số bán hàng.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

- Tiếp tục trở thành nhà sản xuất lớn, sản xuất thương hiệu của riêng mình và gia công cho tất cả các đối tác trong hay ngoài nước có nhu cầu.
- Tiếp tục thực hiện chính sách đào tạo, huấn luyện, nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV và xây dựng chính sách trọng nhân tài.
- Nâng cao hiệu suất sử dụng nhà máy Lộc An.
- Nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất (nhân công, tiện ích)/tấn sản phẩm.

STT	Chỉ tiêu 2019	ĐVT	Giá trị
1	Doanh thu	Tỷ đồng	1,103
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	50





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Trách nhiệm với môi trường

Trong bối cảnh hội nhập như ngày nay, mật độ các khu công nghiệp, tòa nhà ngày càng dày đặc, ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Nhận thức được tầm quan trọng của môi trường và cộng đồng nên Công ty luôn tuân thủ, thực hiện đúng các quy định, chính sách mà Nhà nước đã đề ra.

Năm 2018, hoạt động nghiên cứu và nâng cao khả năng tái chế các phế thải công nghiệp độc hại tiếp tục được triển khai. Hoạt động này vừa giảm tác hại với môi trường vừa có thể tận dụng được nguồn tái chế mang vào tiếp tục sản xuất, giảm chi phí hoạt động. Ngoài ra, Công ty còn đẩy mạnh công tác giáo dục nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường xung quanh nơi làm việc và ngoài xã hội cho các cán bộ công nhân viên trong Công ty. Thực hiện công tác kiểm tra định kỳ tác động của quá trình sản xuất đến môi trường đất, nước, không khí xung quanh khu nhà máy để đảm bảo và kịp thời ứng phó tình trạng ô nhiễm có xảy ra nhằm mang lại không gian làm việc trong lành, góp phần giúp Công ty phát triển bền vững.

Mặt khác, Công ty luôn kiểm soát tốt việc quản lý và sử dụng các nguồn năng lượng như nước, điện, rác thải theo đúng quy định của pháp luật về môi trường, áp dụng việc sử dụng khí CNG (khí thiên nhiên nén, thành phần chủ yếu là khí CH₄) để làm nhiên liệu đốt lò nên hạn chế rất nhiều việc phát thải các khí độc hại ra môi trường như SO₂, NO_x, v.v.... Ngoài ra Công ty thay các thiết bị sử dụng lượng điện, hay hư hỏng gây thất thoát năng lượng, áp dụng các biện pháp tiết kiệm điện như tắt các thiết bị không sử dụng, sử dụng nước nóng năng lượng mặt trời để thanh và khử trùng tại xưởng TRL thay vì Lò hơi để gia nhiệt nước nóng như trước đây.

Trách nhiệm với xã hội

Xã hội là nền tảng của mọi tổ chức trong nền kinh tế. Hiểu được điều đó, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB - CNV luôn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển, tiến bộ thông qua các hoạt động từ thiện như: “Vượt lên chính mình”, chương trình phát học bổng cho trẻ em nghèo hiếu học, chính sách đối với người có công với cách mạng, tạo điều kiện cho các em sinh viên trẻ được thực tập, phong trào “Hiến máu nhân đạo”, góp ủng hộ quỹ “Hương về Trường Sa” được phát động trong lực lượng đoàn viên thanh niên. Công ty luôn nhận thức trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương không chỉ là những hoạt động tài trợ tài chính mà còn là ý thức đảm bảo môi trường sống sạch và an toàn, không gây nguy hại đến cộng đồng và môi trường. Cụ thể:

- Công ty đã sử dụng biến tần cho toàn bộ các thiết bị còn lại như Máy nén Khí, hệ thống Quạt Tẩy rửa lồng, Bơm các loại, băng tải chuyển thùng; thay thế các bóng đèn cao áp công suất lớn áp bằng các bóng đèn Led công suất nhỏ nhưng quang thông chiếu sáng như nhau;
- Tháo dỡ những bóng đèn cao áp và chiếu sáng không cần thiết trong nhà xưởng và nhà kho nhưng vẫn đảm bảo đủ ánh sáng làm việc;
- Sử dụng nước nóng năng lượng mặt trời để thanh và khử trùng tại xưởng Tẩy rửa lồng (trước đây phải dùng Lò hơi để gia nhiệt nước nóng , đã giúp tiết kiệm đến khoảng 10% chi phí hoạt động và đảm bảo hạn chế thấp nhất tác động đối với môi trường.
- Trong năm, Công ty duy trì hệ thống tái chế nước thải sử dụng lại nhằm tiết kiệm được chi phí và hạn chế thải chất độc hại ra môi trường.

Ngoài ra, các sản phẩm mà Công ty sản xuất là chất tẩy rửa nên công tác sản xuất của NETCO được bảo đảm an toàn, đúng chuẩn để không gây hại cho sức khỏe người sử dụng và an toàn cho môi trường. Cụ thể: trong năm 2018, công ty không nhận được bất kỳ khiếu nại của khách hàng về sản phẩm khi sử dụng. Nguồn nước sử dụng để sản xuất các dòng sản phẩm lồng của công ty được chiếu tia cực tím và tuân thủ nghiêm ngặt về vi sinh.

Môi trường tại Nhà máy mới Lộc An – Bình Sơn được đánh giá là môi trường làm việc sạch sẽ, thoáng mát và an toàn cho người lao động. Với chi phí đầu tư gần 15 tỷ cho hệ thống Nucon thu gom hút bụi và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, hệ thống xử lý nước tuần hoàn tái sử dụng cho sản xuất, nhà máy Lộc An đã mang lại môi trường Trong lành - Sạch - Đẹp cho các đối tượng làm việc tại công ty và cộng đồng người dân địa phương.



04 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY
- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Đơn vị tính: triệu đồng

Kết quả hoạt động SXKD	2017	2018	Tăng/giảm 2018/2017	Tăng/giảm 2018/2017 (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.075.531	1.117.335	41.804	3,89%
Giá vốn hàng bán	837.983	919.075	81.092	9,68%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	237.548	198.260	-39.288	-16,54%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	73.708	57.272	-16.436	-22,30%
Lợi nhuận khác	284	3090	2.806	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	73.992	60.362	-13.630	-18,42%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59.160	56.619	-2.541	-4,30%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	2.472	2.376	-96	-3,88%

Kinh tế thế giới trong năm 2018 tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ cùng với những diễn biến phức tạp trong chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Lạm phát toàn cầu những tháng đầu năm có xu hướng tăng cao hơn năm 2017 do tăng giá năng lượng, đặc biệt là giá dầu bình quân tăng mạnh. Bên cạnh đó, căng thẳng thương mại giữa các nước lớn và xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch đã tác động lớn đến sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực.

Trong bối cảnh chung của nền kinh tế thế giới và trong nước, NET có nhiều thuận lợi, cũng như còn nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD năm 2018, trong đó:

Thuận lợi: Thương hiệu Bột giặt NET tiếp tục nhận được sự quan tâm, biết đến của bạn hàng, người tiêu dùng, đây có thể nói là kết quả của việc không ngừng quan tâm xây dựng thương hiệu NET từ nhiều năm trước đây. Dụ trì với các bạn hàng đã hợp tác từ trước đây, cũng như phát triển các hợp đồng mới đặc biệt là khu vực nội địa và xuất khẩu.

Khó khăn:

- Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, cũng với những bất ổn của nền kinh tế thế giới đã tác động không nhỏ đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước trong đó có NET;
- Tỷ giá đồng Đô la Mỹ/VNĐ tăng mạnh từ cuối tháng 06/2018 và duy trì ở mức cao trong những còn lại của năm 2018 đã ảnh hưởng trực tiếp tới NET do Công ty chủ yếu sử dụng nguồn nguyên liệu nhập khẩu.
- Việc chuyển nhà máy sang Khu Công nghiệp Lộc An – Bình Sơn, bên cạnh sự thuận lợi về cơ sở hạ tầng, hệ thống máy móc kho tàng hiện đại, Công ty còn gặp hạn chế trong công tác tuyển dụng, bổ sung thêm nhân sự mới chất lượng cao.

Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tích cực trong năm 2017, nền kinh tế Việt Nam cũng đối mặt tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, tác động đến giá lương thực, thực phẩm, ảnh hưởng tới mục tiêu kiểm soát lạm phát; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp. Tăng trưởng GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%; Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục khẳng định là điểm sáng của khu vực này và là động lực chính của tăng trưởng với mức tăng 12,98%, tuy nhiên vẫn thấp hơn mức tăng của cùng kỳ năm 2017.

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng Nghị quyết về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và phương án chi trả cổ tức năm đúng theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2018;
- Thực hiện Công tác tài chính kế toán lành mạnh; Quản lý dòng tiền, hàng hóa tập trung, khoa học tạo tiền đề lớn cho việc quản lý hiệu quả trong luân chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu, quản lý công nợ; Cân đối dòng tiền để thanh toán khoản nợ vay ngân hàng, không để tình trạng nợ đọng hoặc chậm trả nợ;
- Ban Tổng Giám đốc có những kế hoạch và quyết định được ban hành sát với tình hình thực tế của Công ty cũng như diễn biến thị trường giúp Công ty đạt được kết quả kinh doanh tốt.
- Thực hiện chi trả lương, thưởng, phúc lợi, trợ cấp theo đúng Bộ Luật lao động, Điều lệ Công ty. Chi trả lương đúng hạn và đầy đủ. Thực hiện ký hợp đồng lao động bao gồm đầy đủ BHXH, BHYT và trợ cấp thất nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước và Luật lao động.
- Ký kết các hợp đồng kinh tế quan trọng trong năm 2018 trên cơ sở pháp lý đảm bảo quyền lợi của Công ty và Cổ đông. Đóng góp đầy đủ vào Ngân sách Nhà Nước.



CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Nhìn chung, nền kinh tế năm 2018 có nhiều biến động phức tạp. Dự báo kinh tế thế giới 2019 sẽ có sự suy giảm nhẹ so với năm nay bởi các chính sách bảo hộ thương mại vẫn còn xu hướng gia tăng. Tuy nhiên, tình hình kinh tế Việt Nam có phần khả quan hơn. Nền kinh tế có sự phục hồi mạnh mẽ khi thực hiện chính sách hội nhập kinh tế thế giới. Các Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có hiệu lực, các hiệp định FTAs được thông qua, đã góp phần mở rộng thị trường cho nhiều doanh nghiệp đã, đang và sẽ định hướng phát triển thương hiệu ra thế giới. Đây vừa là cơ hội vừa là thách thức cho Công ty, Công ty phải nhanh chóng thay đổi chính sách, đưa ra các kế hoạch phù hợp với tình hình kinh tế nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh của Công ty. Từ nhận định trên, HĐQT Công ty xác định phương hướng, nhiệm vụ năm 2019 cụ thể như sau:

Mục tiêu xuyên suốt của Công ty

- Tiếp tục duy trì chế độ hợp thường xuyên (hoặc đột xuất khi cần thiết) và thực hiện lầy ụ kiến bằng văn bản theo đúng quy định của pháp luật đối với các vấn đề mang tính cấp bách phù hợp, kịp thời với tình hình hoạt động của Công ty;
- Triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết của Đại hội cổ đông, phần đầu hoàn thành kế hoạch năm 2019 mà Đại hội cổ đông thông qua;
- Xây dựng một chiến lược phát triển thị trường dài hạn, phù hợp với vị thế, xu hướng thị trường bao gồm cả thị trường truyền thống và thị trường công nghệ hiện đại;
- Tiếp tục đầu tư cho việc phát triển sản phẩm mới, nhận diện thương hiệu mới phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng;
- Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, áp dụng hệ thống công nghệ quản trị tiên tiến, đặc biệt chú trọng đổi mới hệ thống công nghệ trong các khâu bán hàng, quản lý, điều hành, kế toán, nhân sự;
- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc khẩn trương làm việc với các nhà thầu, các cơ quan có thẩm quyền để hoàn thành quyết toán dự án Nhà máy tại Lộc An - Bình Sơn;
- Tiếp tục thực thi chiến lược phát triển bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường, thực hành tiết kiệm, có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Phối hợp với cổ đông Tập đoàn Hóa chất Việt Nam trong công tác thoái vốn đã được phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Kế hoạch năm 2019 với các chỉ tiêu chính

- Chỉ tiêu kinh doanh:
 - Tổng doanh thu bán hàng: 1.103 tỷ đồng;
 - Lợi nhuận trước thuế: 50 tỷ đồng;
- Chỉ tiêu quản trị: Tiếp tục hoàn thiện tổ chức, kiện toàn nhân lực, đảm bảo nhân lực có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cùng khả năng quản lý đáp ứng với quá trình phát triển của doanh nghiệp và hội nhập quốc tế.

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

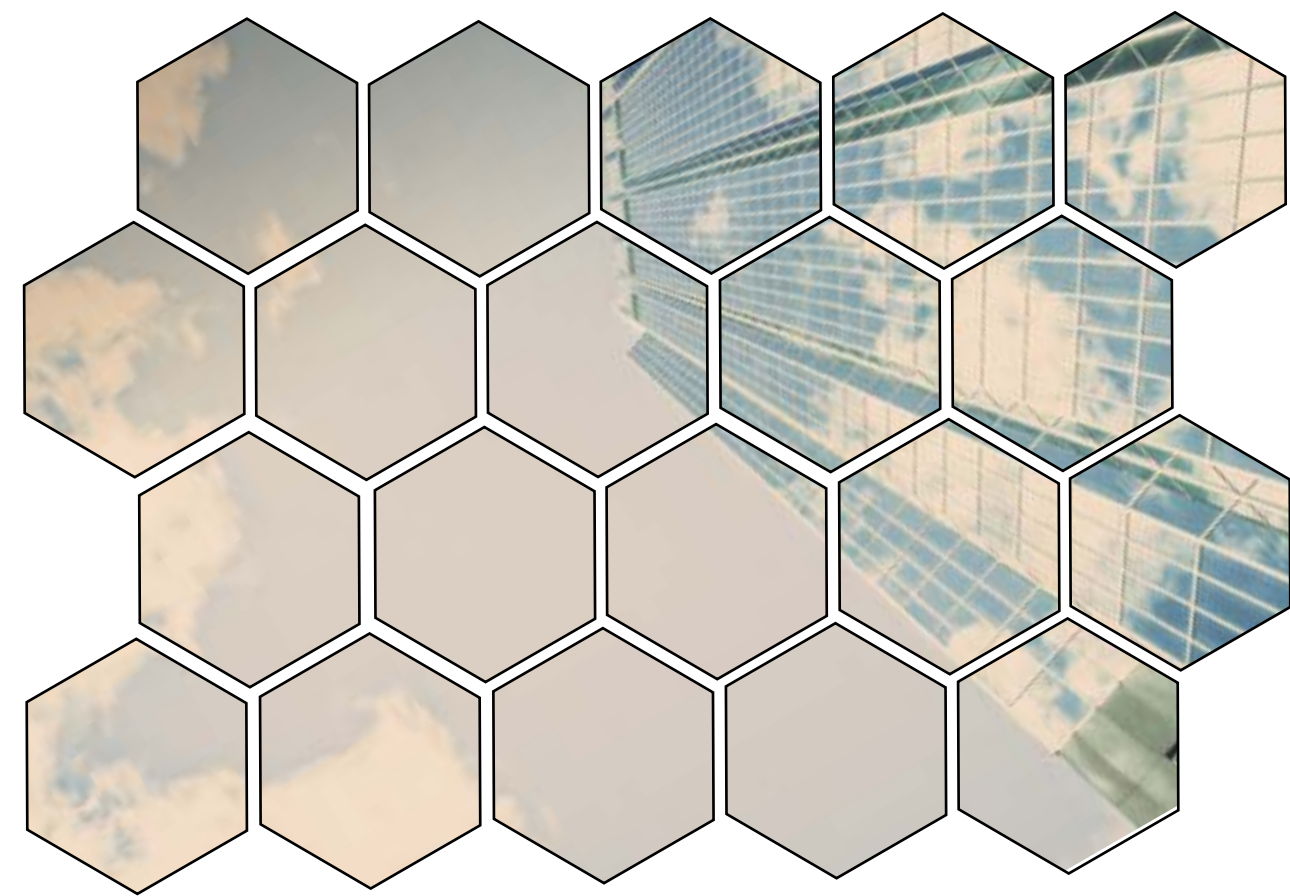
- **HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- **HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**
- **CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH**



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Trần Quốc Cương	Chủ tịch HĐQT
2	Thái Thị Hồng Yến	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Phạm Quang Hòa	Thành viên HĐQT
4	Phan Văn Tiền	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên HĐQT
6	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT



Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty có tất cả 9 cuộc họp với sự tham gia góp ý kiến của 100% thành viên Hội đồng quản trị và ban hành các nghị quyết, quyết định, cụ thể:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV HĐQT	Số buổi họp tham gia	Tỷ lệ tham gia dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Trần Quốc Cương	CT HĐQT	CT HĐQT từ 29/07/2017	9/9	100%	
02	Thái Thị Hồng Yến	UV HĐQT - TGD	TV HĐQT từ 12/2006	9/9	100%	
03	Phạm Quang Hòa	CT HĐQT/ TV HĐQT	Kể từ 12/2006 đến 28/01/2016 CT HĐQT Kể từ ngày 29/1/2016 thôi TV HĐQT và CT HĐQT ;Kể từ ngày 28/6/2016 là TV HĐQT	8/9	89%	vắng có lý do
04	Phan Văn Tiền	CT HĐQT/ TV HĐQT	Là TV HĐQT (CT HĐQT) từ 29/1/2016; từ 28/06/2016 là TV HĐQT Kể từ ngày 27/4/2018 thôi TV HĐQT	5/5	100%	
05	Nguyễn Mạnh Hùng	TV HĐQT	TV HĐQT từ 12/2006	9/9	100%	
06	Nguyễn Thị Phương Thùy	TV HĐQT	TV HĐQT từ ngày 27/4/2018	4/4	100%	

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
I	CÁC NGHỊ QUYẾT		
1	01/NQ-HĐQT- NET/2018	01/03/2018	Về việc thông qua nội dung chuẩn bị Đại Hội cổ đông thường niên năm 2018
2	02/NQ-HĐQT- NET/2018	25/03/2018	Về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 (Điều chỉnh ngày chốt tham dự ĐHCĐ quyền ĐHCĐ) Về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần bột giặt NET. 1.1 Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2017 1.2 Nhiệm vụ, mục tiêu và giải pháp 2018 1.3 Dự kiến phân chia lợi nhuận 2017 1.4 Một số các công tác phân công chuẩn bị cho Đại hội cổ đông thường niên 2017
3	03/NQ-HĐQT- NET/2018	25/03/2018	
4	04/NQ-HĐQT- NET/2018	15/04/2018	Về việc thông qua việc thay đổi ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018
5	05/NQ-HĐQT- NET/2018	27/04/2018	Nghị quyết HĐQT về việc tình hình sản xuất kinh doanh quý 1/2018
6	06/NQ-HĐQT- NET/2018	01/06/2018	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua việc chốt thời điểm thanh toán cổ tức năm 2017
7	07/NQ-HĐQT- NET/2018	04/07/2018	Nghị quyết HĐQT về việc về thông qua chủ trương để Tổng Giám Đốc bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng Bán hàng nội địa và Marketing
8	08/NQ-HĐQT- NET/2018	12/07/2018	Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
I	CÁC NGHỊ QUYẾT		
9	09/NQ-HĐQT- NET/2018	12/07/2018	Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty Kế hoạch sửa đổi, xây dựng, ban hành các quy chế, quy định quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần Bột giặt Net
10	10/NQ-HĐQT- NET/2018	12/07/2018	Kiểm điểm, xác định rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân ra quyết định đầu tư mua Máy đầu cân tự động của máy Big Bag không nằm trong kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2016 do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam phê duyệt tại Công ty CP Bột giặt Net".
11	11/NQ-HĐQT- NET/2018	02/11/2018	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018
12	12/NQ-HĐQT- NET/2018	28/11/2018	Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty 1.1 Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh Quý 3 và 9 tháng đầu năm 2018, tình hình sản xuất kinh doanh quý 4 và cả năm 2018; 1.2 Công tác đầu tư mua tài sản theo kế hoạch năm 2018; 1.3 Công tác quyết toán dự án hoàn thành đối với nhà máy tại Lộc An-Bình Sơn; 1.4 Báo cáo tình hình vay vốn lưu động, kế hoạch sử dụng vốn vay quý 4/2018; 1.5 Báo cáo tình hình tồn kho, biến động giá nguyên liệu trong quý 4/2018;

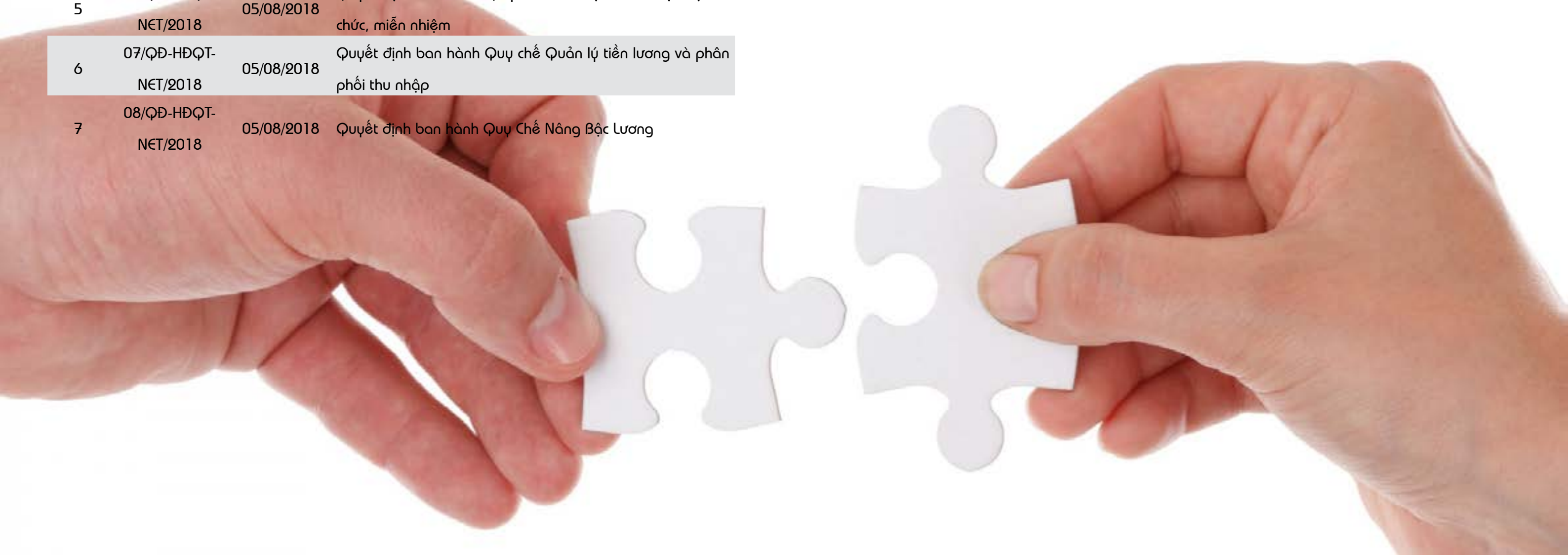
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
II	CÁC QUYẾT ĐỊNH		
1	01/QĐ-HĐQT- -NET/2018	13/01/2018	Quyết định về việc phê duyệt tổng quỹ lương quản lý năm 2017, chính sách thu nhập năm 2017 của Ban giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty cổ phần bột giặt NET
2	02/QĐ-HĐQT- NET/2018	13/01/2018	Quyết định về việc phê duyệt chính sách thu nhập Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty cổ phần bột giặt NET kể từ ngày 01/01/2018
3	03/QĐ-HĐQT- NET/2018	05/08/2018	Quyết định ban hành Quy chế quản lý công nợ
4	05/QĐ-HĐQT- NET/2018	05/08/2018	Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ
5	06/QĐ-HĐQT- NET/2018	05/08/2018	Quyết định ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm
6	07/QĐ-HĐQT- NET/2018	05/08/2018	Quyết định ban hành Quy chế Quản lý tiền lương và phân phối thu nhập
7	08/QĐ-HĐQT- NET/2018	05/08/2018	Quyết định ban hành Quy Chế Nâng Bậc Lương

HĐQT thường xuyên theo dõi các hoạt động của Ban Giám đốc, phối hợp với Ban Kiểm soát công ty kiểm tra giám sát các vấn đề sau:

- Tuân thủ Quy chế quản trị theo hướng dẫn của UBCK Nhà nước đối với các công ty niêm yết.
- Thực hiện đúng quy định việc công bố thông tin định kỳ, thường niên cũng như các thông tin bất thường cho các cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty, UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội.
- Chấp hành các quy định trong Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.
- Thực hiện triệu tập tổ chức Đại hội đồng cổ đông đúng theo quy định của luật hiện hành.
- Kiểm soát tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, chứng từ kế toán, hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động nhằm đảm bảo tính đúng đắn của báo cáo tài chính.



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng BKS
2	Dương Huy Mạnh	UV BKS
3	Nguyễn Thị Mai Phương	UV BKS

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc và cổ đông

Ban Kiểm Soát đã thực hiện đúng chức năng giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty. Cụ thể:

- Thực hiện việc đánh giá, giám sát tình hình kinh doanh, kịp thời phản ánh, ghi nhận hoạt động của Công ty để báo cáo cho Hội Đồng Quản Trị trong các kỳ họp định kỳ.
- Định kỳ, Ban kiểm soát thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện nghị quyết đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 thông qua. Xây dựng các định hướng, chỉ đạo điều hành công ty, thảo luận và quyết nghị về những vấn đề chính yếu của Công ty. Các biên bản, Nghị quyết của HĐQT được Thư ký Công ty ghi chép biên bản đầy đủ và công bố thông tin đúng thời hạn theo các nội dung đã thống nhất thông qua và được Ban điều hành triển khai thực hiện

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

Không có.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; Triển khai kiểm tra, giám sát thường xuyên mọi hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành. Cụ thể bao gồm:

- Kiểm tra, rà soát lại các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành kiểm tra các tờ trình của Ban Tổng Giám đốc, nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Góp ý kiến thiết thực, tham gia ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD chung của Công ty tại các cuộc họp HĐQT.
- Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm qua.
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên về việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc theo đúng điều lệ tổ chức và hoạt động.
- Hàng quý kiểm soát tình hình tài chính của Công ty thông qua báo cáo tài chính quý được lập theo quy định.
- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác đã cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty, tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi.
- Các tài liệu trong các kỳ họp của HĐQT đều được cung cấp đồng thời cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị, nhờ đó Ban kiểm soát có thể giám sát tốt các hoạt động của Công ty, có ý kiến kịp thời đến công tác quản lý, điều hành của Công ty.

Hoạt động khác của BKS

Không có.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGD, BKS

STT	Họ và tên	Lương công việc	Lương hiệu quả	Thưởng	Tổng cộng
I HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
1	Trần Quốc Cường	86%		14%	100%
2	Nguyễn Thị Phương Thùy	100%		0%	100%
3	Phan Văn Tiền	62%		38%	100%
4	Phạm Quang Hòa	83%		17%	100%
5	Nguyễn Mạnh Hùng	83%		17%	100%
6	Thái Thị Hồng Yến	100%		0%	100%
II Ban kiểm soát					
1	Nguyễn Thị Hồng Châu	81%		19%	100%
2	Dương Huy Mạnh	100%		0%	100%
3	Nguyễn Thị Mai Phương	100%		0%	100%
III Ban điều hành					
1	Thái Thị Hồng Yến	40%	37%	23%	100%
2	Phạm Quốc Cường	79%		21%	100%
3	Cao Trần Đăng Khoa	76%		24%	100%
4	Trần Thị Ái Liên	80%		20%	100%

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn
Không có

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH



TRẦN
THỊ ÁI
LIÊN P

Digitally signed by TRẦN THỊ ÁI LIÊN
DN: C=VN, S=Đồng Nai, L=Long
Thành, O=CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT
GIẶT NET, OU=Kế toán - Thống kê,
T=Kế toán trưởng, CN=TRẦN THỊ ÁI
LIÊN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=CMN
D:270858450
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2019-02-27 23:22:45

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bột giặt NET (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Quốc Cường	Chủ tịch
Bà Thái Thị Hồng Yến	Thành viên
Ông Phạm Quang Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/04/2018)
Ông Phạm Văn Tiền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/04/2018)

Ban Giám đốc

Bà Thái Thị Hồng Yến	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng giám đốc phụ trách Công nghệ và Sản xuất
Ông Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc chất lượng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Thái Thị Hồng Yến
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2019



Công ty TNHH Kiểm toán An Việt

Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

W www.anvietcpa.com T (84-24) 6278 2904
E anviet@anvietcpa.com F (84-24) 6278 2905

Số: 24/2019/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bột giặt Net

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bột giặt Net (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25/02/2019, từ trang 04 đến trang 27 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bột giặt Net tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày



Nguyễn Thuong
Phó Tổng Giám đốc
Số GCN ĐKHN nghề kiểm toán 0308-2018-055-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Trần Minh Nguyệt
Kiểm toán viên
Số GCN ĐKHN kiểm toán 3412-2015-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		264.831.826.994	247.468.462.315
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	90.315.322.234	97.052.279.042
1. Tiền	111		9.815.322.234	13.852.279.042
2. Các khoản tương đương tiền	112		80.500.000.000	83.200.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.500.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	9.500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.839.193.090	41.268.558.954
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	32.844.745.788	39.473.574.355
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		533.672.068	735.423.133
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		264.904.600	333.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.195.870.634	726.561.466
IV. Hàng tồn kho	140	10	128.854.022.719	108.495.022.146
1. Hàng tồn kho	141		128.854.022.719	108.495.022.146
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.323.288.951	652.602.173
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.285.392.298	635.249.348
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	37.896.653	17.352.825
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		343.987.190.955	358.274.780.584
I. Tài sản cố định	220		281.787.967.192	293.214.944.605
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	281.787.967.192	293.214.944.605
- Nguyên giá	222		378.230.450.262	369.322.718.695
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(96.442.483.070)	(76.107.774.090)
II. Bất động sản đầu tư	230	14	13.600.593.917	15.195.611.513
- Nguyên giá	231		34.505.676.919	35.306.730.252
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(20.905.083.002)	(20.111.118.739)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		102.500.000	1.458.935.039
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		102.500.000	1.458.935.039
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		716.390.400	716.390.400
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(716.390.400)	(716.390.400)
V. Tài sản dài hạn khác	260		48.496.129.846	48.405.289.427
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	48.496.129.846	48.405.289.427
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		608.819.017.949	605.743.242.899

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		319.410.588.520	324.465.348.047
I. Nợ ngắn hạn	310		319.310.588.520	324.365.348.047
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	181.974.806.277	156.711.442.559
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.929.534.481	10.838.445.895
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	2.385.698.999	3.840.582.057
4. Phải trả người lao động	314		12.034.676.590	14.354.754.970
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	18.670.070.319	13.322.916.917
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	660.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	6.426.442.110	8.104.425.876
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	83.741.166.661	111.361.800.825
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.148.193.083	5.170.978.948
II. Nợ dài hạn	330		100.000.000	100.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	13	100.000.000	100.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		289.408.429.429	281.277.894.852
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	289.408.429.429	281.277.894.852
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		223.983.740.000	223.983.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		223.983.740.000	223.983.740.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.706.553.642	15.706.553.642
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		49.718.135.787	41.587.601.210
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.694.588.682	8.351.373.371
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.023.547.105	33.236.227.839
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		608.819.017.949	605.743.242.899

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Người lập

Trần Thị Ái Liên

Kế toán trưởng

Trần Thị Ái Liên

Tổng Giám đốc



Thái Thị Hồng Yến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MẪU SỐ B02- DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	1.117.335.189.334	1.075.698.997.960
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	167.662.422
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.117.335.189.334	1.075.531.335.538
4. Giá vốn hàng bán	11	22	919.075.138.939	837.983.354.954
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		198.260.050.395	237.547.980.584
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	6.645.451.095	5.026.215.151
7. Chi phí tài chính	22	25	6.255.819.364	2.922.200.088
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.829.779.660	1.877.913.390
8. Chi phí bán hàng	25	26	112.098.266.292	142.449.901.731
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	29.279.176.168	23.494.160.099
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		57.272.239.666	73.707.933.817
11. Thu nhập khác	31	27	3.684.260.081	4.490.591.428
12. Chi phí khác	32	28	593.741.043	4.206.567.500
13. Lợi nhuận khác	40		3.090.519.038	284.023.928
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.362.758.704	73.991.957.745
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	3.743.024.599	14.832.355.906
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		56.619.734.105	59.159.601.839
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.376	2.472

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Ái Liên

Trần Thị Ái Liên

Thái Thị Hồng Yến


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MẪU SỐ B03 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	60.362.758.704	73.991.957.745
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	23.083.414.177	16.172.128.115
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(423.314.353)	(60.935.457)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.441.559.590)	(2.025.326.860)
- Chi phí lãi vay	06	2.829.779.660	1.877.913.390
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	80.411.078.598	89.955.736.933
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	6.129.421.158	7.824.252.357
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(20.359.000.573)	(27.881.622.148)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	24.394.464.685	58.691.881.421
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.465.769.572	2.826.668.222
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.788.143.913)	(1.877.913.390)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.459.796.542)	(15.900.140.555)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.800.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.677.585.865)	(2.919.008.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	80.119.007.120	110.719.854.040
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(10.831.287.073)	(30.260.834.659)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	945.909.091	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.500.000.000)	(400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	68.095.400	67.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.441.338.884	3.346.734.724
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.875.943.698)	(27.247.099.935)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	272.640.228.384	203.991.792.246
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(299.823.723.307)	(206.327.482.508)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(44.796.197.000)	(51.516.260.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(71.979.691.923)	(53.851.950.462)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(6.736.628.501)	29.620.803.643
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	97.052.279.042	67.430.898.879
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(328.307)	576.520
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	90.315.322.234	97.052.279.042

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Ái Liên

Trần Thị Ái Liên

Thái Thị Hồng Yến



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bột giặt Net (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000053 ngày 01/07/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu và Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 số 3600642822 ngày 26/5/2017.

Vốn điều lệ của Công ty là 223.983.740.000 đồng, tương ứng với 22.398.374 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/1 cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là NET.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13, trụ sở chính của Công ty tại Đường D4, Khu công nghiệp Lộc An, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất chất tẩy rửa, mỹ phẩm;
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất ngành tẩy rửa (trừ hóa chất độc hại mạnh);
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất nước uống đóng chai (không sản xuất tại trụ sở);
- Cho thuê kho, nhà xưởng, văn phòng; kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ (hoạt động ngoài tỉnh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm 31/12/2018, tổ chức của Công ty bao gồm Văn phòng chính tại Đồng Nai và ba Chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

STT	Tên Chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Hà Nội	Km số 1, đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.
2	Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Số 617 - 629 Bến Bình Đông, Phường 13, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.
3	Chi nhánh Biên Hòa	Đường số 8, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở cộng các số liệu trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, Chi nhánh Hà Nội và Chi nhánh Hồ Chí Minh sau khi đã loại trừ các khoản phải thu, phải trả và các khoản điều chuyển nội bộ.

Báo cáo tài chính của Công ty đã được dịch sang tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ tiếng Việt.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, thương phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các loại chứng khoán nợ khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác, không bao gồm các khoản đã được trình bày trong các chỉ tiêu “Các khoản tương đương tiền”, “Phải thu về cho vay ngắn hạn” và “Phải thu về cho vay dài hạn”.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.... Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh “Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi”.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính hoặc giá trị còn lại chia cho thời gian hữu dụng còn lại, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 15

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá.

Bất động sản đầu tư cho thuê/nắm giữ chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế/tồn thất do suy giảm giá trị. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm toàn bộ tài sản là hệ thống nhà cửa vật kiến trúc, cơ sở hạ tầng của Công ty tại Đường số 8, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	20 - 25
Cơ sở hạ tầng	05 - 20

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí quảng cáo; chi phí sử dụng hạ tầng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

- Chi phí công cụ dụng cụ bao gồm các tài sản không đủ ghi nhận là tài sản cố định hữu hình đã đưa vào sử dụng. Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 36 tháng.
- Phí sử dụng hạ tầng đợt 1,2 cho khu đất tại Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn phục vụ cho dự án di dời nhà máy tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 đến Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, sẽ được tập hợp và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hạ tầng khu công nghiệp.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chỉ hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản đi vay từ các ngân hàng thương mại.

Các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản vay có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn". Các khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn".

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay; lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: lãi tiền vay; chiết khấu thanh toán; lỗ chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 tính từ năm 2018 như sau:

Hoạt động	Ưu đãi về thời gian miễn, giảm	
	Miễn	Giảm 50%
Thu nhập phát sinh từ dự án đầu tư mở rộng	2 năm	4 năm

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày ở Thuyết minh số 31.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	283.417.962	510.990.743
Tiền gửi ngân hàng	9.531.904.272	13.341.288.299
Các khoản tương đương tiền (*)	80.500.000.000	83.200.000.000
Cộng	90.315.322.234	97.052.279.042

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa với lãi suất từ 5%/năm đến 5,5%/năm.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa với lãi suất 6,7%/năm.

7. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ số tiền là 716.390.400 đồng. Công ty nắm giữ số lượng 6.600 cổ phần, mệnh giá là 100.000 đồng/cổ phần, chiếm 10,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ. Hiện tại Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ đã ngừng hoạt động do bị thua lỗ kéo dài và hiện đơn vị này đã làm thủ tục giải thể doanh nghiệp; Ban điều hành Công ty Cổ phần Bột giặt Net đã trích lập dự phòng theo mức 100% cho toàn bộ khoản đầu tư nói trên với số tiền 716.390.400 đồng.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	32.844.745.788	39.473.574.355
Công ty TNHH Quốc tế Unilver Việt Nam	2.597.787.006	6.740.590.312
NEU-TECH Ltd	1.864.925.502	1.099.716.624
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố	8.964.444.483	8.428.373.071
Các khách hàng khác	19.417.588.797	23.204.894.348
Cộng	32.844.745.788	39.473.574.355

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	1.195.870.634	-	726.561.466	-
Dự thu lãi tiền gửi	833.655.897	-	366.047.779	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	24.500.000	-
Tạm ứng	43.634.102	-	82.844.767	-
Phải thu khác	318.580.635	-	253.168.920	-
Cộng	1.195.870.634	-	726.561.466	-

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	90.548.453.206	-	73.844.791.178	-
Công cụ, dụng cụ	331.731.250	-	323.060.271	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.837.986.852	-	2.129.606.171	-
Thành phẩm	36.135.851.411	-	32.197.564.526	-
Cộng	128.854.022.719	-	108.495.022.146	-

Tại ngày 31/12/2018, Công ty không cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do giá trị ghi sổ của hàng tồn kho không vượt quá giá trị thuần có thể thực hiện được.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	48.496.129.846	48.405.289.427
Chi phí sử dụng hạ tầng	46.634.325.294	47.762.575.098
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.861.804.552	642.714.329
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	18.670.070.319	13.322.916.917
Chi phí hoa hồng, khuyến mại, hỗ trợ nhà phân phối	12.971.473.137	8.833.654.706
Chi phí vận chuyển	4.616.320.535	3.146.702.954
Tiền ăn giữa ca	122.220.000	168.650.000
Chi phí khác	960.056.647	1.173.909.257
Dài hạn	-	-

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	6.426.442.110	8.104.425.876
Kinh phí công đoàn	272.806.886	197.710.400
Bảo hiểm xã hội	-	250.369.736
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.336.080	3.785.080
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.149.299.144	7.652.560.660
Dài hạn	100.000.000	100.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	100.000.000	100.000.000

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

KHOẢN MỤC	01/01/2018	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ	35.306.730.252	-	801.053.333	34.505.676.919
- Nhà	31.727.073.211			31.727.073.211
- Cơ sở hạ tầng	3.579.657.041		801.053.333	2.778.603.708
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	20.111.118.739	1.595.017.596	801.053.333	20.905.083.002
- Nhà	17.461.721.491	1.432.170.792		18.893.892.283
- Cơ sở hạ tầng	2.649.397.248	162.846.804	801.053.333	2.011.190.719
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	15.195.611.513	(1.595.017.596)	-	13.600.593.917
- Nhà	14.265.351.720	(1.432.170.792)	-	12.833.180.928
- Cơ sở hạ tầng	930.259.793	(162.846.804)	-	767.412.989

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm toàn bộ tài sản là hệ thống nhà cửa vật kiến trúc, cơ sở hạ tầng của Công ty tại Đường số 8, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cho Công ty Lục Thành thuê theo hợp đồng số 296/HĐN-2017 ngày 13/11/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2018	224.673.864.563	132.259.305.005	11.336.739.227	1.052.809.900	369.322.718.695
Mua trong năm	125.232.500	1.688.821.700	1.080.700.909	-	2.894.755.109
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	908.633.447	6.669.430.608	4.264.740	(2.368.233)	7.579.960.562
Tăng khác	467.720.000	-	-	-	467.720.000
Phân loại lại	-	(225.640.000)	-	225.640.000	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(179.998.000)	(1.854.706.104)	-	(2.034.704.104)
Tại ngày 31/12/2018	226.175.450.510	140.211.919.313	10.566.998.772	1.276.081.667	378.230.450.262
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2018	9.151.410.335	60.586.455.067	5.689.442.513	680.466.175	76.107.774.090
Khấu hao trong năm	10.142.945.484	10.224.953.851	1.000.012.958	120.484.288	21.488.396.581
Tăng khác	467.720.000	-	-	-	467.720.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(179.998.000)	(1.441.409.601)	-	(1.621.407.601)
Tại ngày 31/12/2018	19.762.075.819	70.631.410.918	5.248.045.870	800.950.463	96.442.483.070
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	215.522.454.228	71.672.849.938	5.647.296.714	372.343.725	293.214.944.605
Tại ngày 31/12/2018	206.413.374.691	69.580.508.395	5.318.952.902	475.131.204	281.787.967.192
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	4.676.091.813	21.984.153.173	1.378.749.571	245.329.227	28.284.323.784

Nguyên giá tài sản cố định Nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị tại Dự án Đầu tư nhà máy sản xuất của Công ty tại Khu công nghiệp Lộc An, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai đã được điều chỉnh lại theo Báo cáo kiểm toán về quyết toán dự án hoàn thành số 159/2018/KT-AVI-XD ngày 12/11/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	181.974.806.277	181.974.806.277	156.711.442.559	144.467.757.319
Chi nhánh Công ty cổ phần TICO	27.424.896.953	27.424.896.953	355.513.943	355.513.943
Công ty TNHH UIC Việt Nam	46.756.114.006	46.756.114.006	34.795.001.591	34.795.001.591
Công ty TNHH Nhựa cơ khí và TM Chấn Thuận Thành	9.383.050.463	9.383.050.463	9.515.118.415	9.515.118.415
Công ty TNHH Mitsui Việt Nam	3.888.264.600	3.888.264.600	20.049.209.865	20.049.209.865
Công ty TNHH Thương mại Quang Thắng	17.259.932.055	17.259.932.055	12.243.685.240	
Phải trả cho các đối tượng khác	77.262.548.200	77.262.548.200	79.752.913.505	79.752.913.505
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	181.974.806.277	181.974.806.277	156.711.442.559	144.467.757.319

Phải trả người bán là các bên liên quan

Nhà máy hóa chất Biên Hòa- Công ty Cổ phần hóa chất cơ bản miền Nam
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa chất Cần Thơ
Công ty Xuất nhập khẩu hóa chất Miền Nam

3.475.445.710	3.475.445.710	6.960.125.155	6.960.125.155
-	-	1.095.207.300	1.095.207.300
-	-	1.834.696.125	1.834.696.125

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2018		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2018	
	VND		VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng	195.856.412		2.596.371.655		2.605.867.742		186.360.325	
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	(17.169.075)		3.485.699.568		3.506.243.396		(37.712.903)	
Thuế nhập khẩu	(183.750)		488.451.920		488.451.920		(183.750)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.973.149.793		3.783.476.127		5.459.796.542		1.296.829.378	
Thuế thu nhập cá nhân	356.671.372		1.173.914.607		1.293.154.226		237.431.753	
Các loại thuế khác	314.904.480		4.541.625.688		4.191.452.625		665.077.543	
Cộng	3.823.229.232		16.069.539.565		17.544.966.451		2.347.802.346	

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

37.896.653
2.385.698.999

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	83.741.166.661	83.741.166.661	272.203.089.143	299.823.723.307	111.361.800.825	111.361.800.825
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Biên Hòa	83.741.166.661	83.741.166.661	272.203.089.143	299.823.723.307	111.361.800.825	111.361.800.825
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	83.741.166.661	83.741.166.661	272.203.089.143	299.823.723.307	111.361.800.825	111.361.800.825

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 005.18/48.05-HMTD ngày 09/01/2018, hạn mức vay là 200 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Đồng tiền vay của mỗi khoản nợ là VND hoặc USD, thời hạn vay của mỗi khoản nợ tối đa là 6 tháng kể từ ngày giải ngân được ghi trên Giấy nhận nợ; Mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; lãi suất được xác định tại từng thời điểm giải ngân và được ghi trên giấy nhận nợ. Hợp đồng vay không có tài sản đảm bảo. Số dư vay tại thời điểm 31/12/2018 là 3.602.545,35 USD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2017	223.983.740.000	3.248.753.642	53.388.062.358	280.620.556.000
Lãi trong năm	-	-	59.159.601.839	59.159.601.839
Phân phối lợi nhuận	-	12.457.800.000	(71.679.060.200)	(59.221.260.200)
Tăng khác	-	-	718.997.213	718.997.213
Tại ngày 01/01/2018	223.983.740.000	15.706.553.642	41.587.601.210	281.277.894.852
Lãi trong năm	-	-	56.619.734.105	56.619.734.105
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(48.448.748.000)	(48.448.748.000)
Giảm khác (**)	-	-	(40.451.528)	(40.451.528)
Tại ngày 31/12/2018	223.983.740.000	15.706.553.642	49.718.135.787	289.408.429.429

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-DHĐCĐ-2018 ngày 27/04/2018, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 của Công ty như sau: chia cổ tức 55.995.935.000 đồng tương ứng với tỷ lệ 25% vốn điều lệ, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 3,55 tỷ đồng (đã trích năm 2017 là 3,525 tỷ đồng), trích quỹ thưởng ban điều hành 230 triệu đồng.

Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 3.397.000.000 đồng và tạm chia cổ tức với số tiền là 11.199.187.000 đồng tương ứng 5% vốn điều lệ. Đến thời điểm 31/12/2018, Công ty đã chi trả hết toàn bộ số cổ tức đã tạm chia trong năm.

(**): Là khoản điều chỉnh theo truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp theo Quyết định số 976/QĐ-CT ngày 20/07/2018 của Cục thuế tỉnh Đồng Nai.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	114.234.980.000	51%	114.234.980.000	51%
Vốn góp của các đối tượng khác	109.748.760.000	49%	109.748.760.000	49%
Cộng	223.983.740.000	100%	223.983.740.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
- Vốn góp đầu năm	223.983.740.000	223.983.740.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	223.983.740.000	223.983.740.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	44.796.748.000	51.516.260.200

Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.398.374	22.398.374
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.398.374	22.398.374
- Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	22.398.374
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.398.374	22.398.374
- Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	22.398.374
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

	31/12/2018	01/01/2018
Ngoại tệ các loại		
- USD	1.450,15	43.851,09
- EUR	245,30	-
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	604.396.281	628.958.072

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu sản xuất tiêu thụ trong nước	723.276.713.174	693.991.950.599
Doanh thu sản xuất xuất khẩu	357.235.659.465	340.028.356.649
Doanh thu gia công	-	5.508.118.730
Doanh thu khác	36.822.816.695	36.170.571.982
Cộng	1.117.335.189.334	1.075.698.997.960

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá, gia công	889.761.441.606	806.181.336.436
Giá vốn dịch vụ	29.313.697.333	31.802.018.518
Cộng	919.075.138.939	837.983.354.954

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN
23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	854.172.891.868	790.328.192.687
Chi phí nhân công	48.809.977.595	57.144.422.452
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.083.414.177	16.172.128.115
Chi phí bằng tiền khác	127.308.903.811	156.076.683.202
Cộng	1.053.375.187.451	1.019.721.426.456

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.908.947.002	3.346.734.724
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.313.189.740	1.618.544.970
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	423.314.353	60.935.457
Cộng	6.645.451.095	5.026.215.151

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.829.779.660	1.877.913.390
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.426.039.704	1.044.286.698
Cộng	6.255.819.364	2.922.200.088

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	29.279.176.168	23.494.160.099
Chi phí nhân viên	9.443.378.231	10.477.663.945
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.261.446.766	869.785.214
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.851.258.000	1.978.398.069
Thuế phí lệ phí	5.975.936.644	329.351.614
Chi phí bằng tiền khác	8.747.156.527	9.838.961.257
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	112.098.266.292	142.449.901.731
Chi phí nhân viên	20.312.374.233	20.705.958.628
Chi phí vật liệu, bao bì	1.902.271.585	1.897.116.483
Chi phí khấu hao	5.807.120.952	3.346.904.526
Chi phí vận chuyển	33.840.066.248	15.912.764.568
Chi phí quảng cáo	1.586.258.182	2.088.957.827
Chi phí khuyến mại bằng tiền	7.524.866.822	7.757.044.140
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối, đại lý, siêu thị	36.115.590.653	78.767.584.359
Chi phí bằng tiền khác	5.009.717.617	11.973.571.200

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN
27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	532.612.588	-
Tiền thu thanh lý hợp đồng gia công cho Unilever	-	4.134.805.860
Tiền phạt, bồi thường	1.023.744.056	145.441.028
Các khoản khác	2.127.903.437	210.344.540
Cộng	3.684.260.081	4.490.591.428

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thanh lý hợp đồng gia công cho Unilever	-	3.670.838.609
Các khoản bị phạt	445.421.043	56.677
Các khoản khác	148.320.000	535.672.214
Cộng	593.741.043	4.206.567.500

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	60.362.758.704	73.991.957.745
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Trừ: Thu nhập điều chỉnh theo BB kiểm toán nhà nước	-	1.320.155.266
- Cộng chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện đánh giá tiền, phải thu	15.277.167	-
- Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	239.446.640	169.821.786
Tổng Thu nhập chịu thuế	60.617.482.511	72.841.624.265
Thu nhập được miễn thuế	41.902.359.515	-
Thu nhập chịu thuế theo thuế suất phổ thông (20%)	18.715.122.996	72.841.624.265
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN điều chỉnh theo BB kiểm toán nhà nước	-	264.031.053
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.743.024.599	14.832.355.906

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.619.734.105	59.159.601.839
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.397.000.000)	(3.780.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	53.222.734.105	55.379.601.839
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	22.398.374	22.398.374
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.376	2.472

(*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 số tiền 3.550.000.000 đồng và trích thưởng ban điều hành 230 triệu đồng là số trích thực tế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018. Theo đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 được điều chỉnh tương ứng.

31. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Công ty như sau

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tập đoàn Hoà chất Việt Nam	Cổ đông chiếm 51% vốn điều lệ
Nhà máy hóa chất Biên Hòa-Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam	Đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Cần Thơ	Đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất Miền Nam	Đơn vị trong cùng Tập đoàn

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Mua hàng		
Nhà máy hóa chất Biên Hòa-Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam	42.169.785.000	35.584.072.380
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Cần Thơ	-	3.958.902.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất Miền Nam	8.966.250.910	2.488.953.534
Chi trả cổ tức		
Tập đoàn Hoà chất Việt Nam	22.846.996.000	26.274.045.400
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	1.425.954.000	1.939.218.000

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh Công cụ tài chính.

	Giá trị ghi sổ 31/12/2018 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2018 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	90.315.322.234	97.052.279.042
Phải thu của khách hàng	32.844.745.788	39.473.574.355
Phải thu về cho vay	264.904.600	333.000.000
Phải thu khác	1.195.870.634	726.561.466
Cộng	124.620.843.256	137.585.414.863
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	181.974.806.277	156.711.442.559
Chi phí phải trả	18.670.070.319	13.322.916.917
Phải trả khác	6.253.635.224	7.756.345.740
Vay và nợ thuê tài chính	83.741.166.661	111.361.800.825
Cộng	290.639.678.481	289.152.506.041
Trừ đi các khoản dự phòng	(716.390.400)	(716.390.400)

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý

của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

- Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phải sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Đến 1 năm VND	Trên 1 năm VND
Tại ngày 31/12/2018		
Phải trả người bán	181.974.806.277	-
Chi phí phải trả	18.670.070.319	-
Phải trả khác	6.153.635.224	100.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	83.741.166.661	-
Cộng	290.539.678.481	100.000.000
Tại ngày 01/01/2018		
Phải trả người bán	156.711.442.559	-
Chi phí phải trả	13.322.916.917	-
Phải trả khác	7.656.345.740	100.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	111.361.800.825	-
Cộng	289.052.506.041	100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính này.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Người lập

Trần Thị Ái Liên

Kế toán trưởng

Trần Thị Ái Liên

Tổng Giám đốc

Thái Thị Hồng Yến



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

Đồng Nai, ngày 19 tháng 03 năm 2019
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Tổng Giám đốc

THÁI THỊ HỒNG YẾN